

## CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Chuyên ngành: *Lý luận và Phương pháp dạy học tiểu học*

(Kèm theo Quyết định số 1404/QĐ-ĐHTB ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

### A. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### I. Khung chương trình đào tạo

Phần kiến thức chung:	15 tín chỉ
Phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	33 tín chỉ
Luận văn tốt nghiệp:	12 tín chỉ
Tổng cộng:	60 tín chỉ

Bảng 1: Phân phối thời lượng chương trình đào tạo

Cấu trúc chương trình	Khối lượng	KHỐI LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			
		Phần 1 Kiến thức chung	Phần 2 Kiến thức cơ sở và chuyên ngành		Phần 3 Luận văn Thạc sĩ
			Các học phần bắt buộc	Các học phần tự chọn	
Số tín chỉ	60	15	17	16	12
Tỷ lệ %	100%	25%	28,3%	26,7%	20%

**Bảng 2: Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo**

Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (số tín chỉ)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành
<b><u>Các học phần chung</u></b>			<b>15</b>		
TBTHXH	501	Triết học	4	3	1
TBNNCB	502	Tiếng Anh 1	5	3	2
TBNNCS	503	Tiếng Anh 2	4	3	1
TBNCKH	504	Phương pháp & kỹ năng NCKH	2	1	1
<b><u>Các học phần cơ sở và chuyên ngành</u></b>					
<b><u>Các học phần bắt buộc (6 học phần)</u></b>			<b>17</b>		
THCSTH	505	Cơ sở toán học của môn toán ở tiểu học	3	2	1
THCSSH	506	Hệ thống số và cơ sở số học ở tiểu học	3	2	1
THCSNN	507	Cở sở ngôn ngữ học của việc tổ chức dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	3	2	1
THDHTC	508	Phương pháp dạy học tích cực ở tiểu học	3	2	1
THKNGT	509	Phát triển kỹ năng giải toán ở tiểu học	3	1	2
THC&TV	510	Những vấn đề về từ và câu tiếng Việt	2	1	1
<b><u>Các học phần tự chọn (Chọn 16 tín chỉ trong số các học phần sau)</u></b>			<b>16</b>		
THĐLDG	511	Đo lường và đánh giá ở tiểu học	2	1	1
THNLDH	512	Phát triển năng lực dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	1	1

THPTDH	513	Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh tiểu học	2	1	1
THPTLN	514	Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học	2	1	1
THPTST	515	Phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học thông qua rèn kỹ năng kể chuyện	2	1	1
THDHTX	516	Sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Tự nhiên - Xã hội	2	1	1
THLTD	517	Rèn tư duy cho HSTH trong dạy học Toán	2	1	1
THPPDT	518	Vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Toán ở tiểu học	2	1	1
THPTTT	519	Phát triển trí tuệ cho học sinh tiểu học	2	1	1
THPPST	520	Phương pháp sáng tác đề toán ở tiểu học	2	1	1
THCNTT	521	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học	2	1	1
THPPHV	522	Phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt	2	1	1
THLLDH	523	Lí luận dạy học đại học	2	1	1
THGDMT	524	Giáo dục môi trường	2	1	1
THDMPP	525	Đổi mới phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	2	1	1
THPTNL	527	Dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh tiểu học			
<b>THLV</b>	<b>526</b>	<b>Luận văn tốt nghiệp</b>	<b>12</b>		

## **II. CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT**

### **PHẦN I. KHỞI KIẾN THỨC CHUNG**

\*\*\*\*\*

#### **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

#### **TBTHXH 501. TRIẾT HỌC 4 (3, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Cơ sở, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung: Những vấn đề cơ bản của triết học và lịch sử triết học; Chủ nghĩa duy vật biện chứng – cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học; Lý luận hình thái kinh tế - xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam; Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của triết học Mác – Lênin; Giai cấp, dân tộc, nhân loại trong thời đại hiện nay và sự vận dụng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; Lý luận về nhà nước và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người và vấn đề xây dựng con Việt Nam hiện nay.

#### **Mục tiêu học phần**

- Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội – nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

- Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1: KHÁI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC**

##### **1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học**

*a) Triết học và đối tượng của triết học.*

- Tính tất yếu và những điều kiện ra đời của triết học.
- Các cách tiếp cận và các quan niệm khác nhau về “triết học” trong lịch sử.
- Quan niệm đương đại về triết học và triết lý.
- Vấn đề đối tượng của triết học.

*b) Vấn đề cơ bản của triết học và chức năng cơ bản của triết học.*

- Vấn đề cơ bản của triết học (mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại; tinh thần và tự nhiên).
- Chức năng cơ bản của triết học (thế giới quan, phương pháp luận, giá trị luận và các chức năng khác).

## **2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử**

*a. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử.*

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào điều kiện kinh tế xã hội và nhu cầu phát triển của thực tiễn xã hội.
- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự phát triển của khoa học tự nhiên và khoa học xã hội.
- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai khuynh hướng triết học cơ bản - chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm.
- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào cuộc đấu tranh giữa hai phương pháp nhận thức trong lịch sử - phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình.
- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại phụ thuộc vào sự kế thừa và phát triển các tư tưởng triết học trong tiến trình lịch sử.
- Sự hình thành, phát triển của tư tưởng triết học phụ thuộc vào sự liên hệ, ảnh hưởng, kế thừa, kết hợp giữa các học thuyết triết học trong mối quan hệ dân

tộc và quốc tế.

- Sự hình thành, phát triển của các tư tưởng triết học phụ thuộc vào mối quan hệ với các hình thái tư tưởng chính trị, pháp quyền, đạo đức, tôn giáo, nghệ thuật...

*b) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.*

- Khái niệm triết học phương Đông và các đặc điểm cơ bản của nó.
- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông.
- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Đông.

*c) Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.*

- Khái niệm triết học phương Tây.
- Khái lược sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây.
- Những thành tựu cơ bản của triết học phương Tây.

*d) Khái lược về sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.*

+ Điều kiện lịch sử của sự ra đời và phát triển tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

+ Những giá trị của tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến.

### **3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội**

*a) Triết học Mác – Lênin.*

- Khái niệm triết học Mác – Lênin.
- Đối tượng của triết học Mác – Lênin.
- Chức năng nhận thức và thực tiễn của triết học Mác – Lênin.
- Những đặc trưng chủ yếu của triết học Mác-Lênin.

*b) Vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội.*

- Triết học Mác – Lênin trong sự phát triển của lịch sử triết học nhân loại.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin trong chủ nghĩa Mác – Lênin.

- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với thực tiễn cách mạng Việt Nam.
- Vai trò của triết học Mác – Lênin đối với sự phát triển của khoa học và khoa học xã hội – nhân văn..

#### **4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam**

- Sự kế thừa, phát triển của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Sự vận dụng sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng Việt Nam.

### **Chương 2. BẢN THỂ LUẬN**

#### **1. Khái niệm bản thể luận và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông, phương Tây**

##### *a) Khái niệm bản thể luận.*

- Nguyên nghĩa của khái niệm bản thể luận.
- Bản thể luận theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng.
- Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và nhận thức luận. Sự đối lập tương đối giữa bản thể luận và vũ trụ luận.
- Quan điểm nhất nguyên (duy vật, duy tâm) và quan điểm nhị nguyên trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận.
- Vị trí của vấn đề bản thể luận trong triết học và ý nghĩa của nó.

##### *b) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận trong triết học phương Đông (Ấn độ và Trung Hoa cổ - trung đại) và giá trị của nó.*

- Bản thể luận trong triết học của Đạo Phật .
- Bản thể luận trong triết học của Âm – Dương gia.
- Bản thể luận trong triết học của Đạo gia.
- Bản thể luận trong triết học của Nho gia.

*c) Một số nội dung cơ bản của bản thể luận triết học phương Tây trong lịch sử đương đại và giá trị của nó.*

- Bản thể luận của triết học Hy Lạp cổ đại (trọng tâm: Lý luận về bản thể của Đêmocrit, học thuyết về Ý niệm của Platon và học thuyết về 4 nguyên nhân của Aristot).

- Bản thể luận của triết học phương Tây trung đại (trọng tâm: Luận lý về 5 con đường luận chứng của Tôma Đacanh).

- Bản thể luận của triết học nước Anh và Pháp cận đại (trọng tâm: Nhất nguyên luận duy vật của Ph.Bêcon và Nhị nguyên luận trong siêu hình học của R.Đêcáctơ).

- Bản thể luận duy tâm của triết học Đức cận đại (trọng tâm: Bản thể luận của I. Kant và G.Hêghen).

- Bản thể luận trong triết học phương Tây đương đại (trọng tâm: Lý luận về “tồn tại của vật tồn tại” (being of existence) của Heidegger).

## **2. Nội dung bản thể luận trong triết học Mác-Lênin**

*a) Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác – Lênin.*

- Những hạn chế của các cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong lịch sử triết học trước Mác và nhu cầu xác lập cách tiếp cận mới.

- Cách tiếp cận mới của triết học Mác-Lênin (trọng tâm: Quan điểm của Ph.Ăngghen về cách tiếp cận mới đối với việc giải quyết vấn đề về bản chất, nguồn gốc và tính thống nhất của mọi tồn tại trong thế giới theo lập trường duy vật hiện đại: tính thống nhất của thế giới là ở tính vật chất của nó; phương pháp tiếp cận của V.I Lênin trong việc giải quyết vấn đề bản thể luận triết học và sự thống nhất giữa phương pháp tiếp cận của Lênin với phương pháp tiếp cận của Ăngghen).

*b) Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất*

- V.I Lênin định nghĩa khái niệm “vật chất” với tư cách là “phạm trù triết học” và các nội dung cơ bản của định nghĩa.



- Sự thống nhất giữa bản thể luận và nhận thức luận trong định nghĩa vật chất của Lênin và ý nghĩa của nó.

- Các hình thức cơ bản của tồn tại vật chất và các phương thức vận động của vật chất.

- Những thành tựu mới trong nghiên cứu về vật chất.

*c) Quan điểm của triết học Mác-Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức.*

- Khái niệm ý thức và nguồn gốc vật chất của ý thức.

- Bản chất phản ánh năng động sáng tạo của ý thức.

- Kết cấu và chức năng của ý thức.

- Những thành tựu nghiên cứu mới về ý thức.

*d) Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức trong hoạt động thực tiễn.*

- Tính quyết định của vật chất đối với ý thức.

- Vai trò của ý thức đối với vật chất.

### **3. Mối quan hệ khách quan - chủ quan và ý nghĩa đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

*a) Mối quan hệ khách quan và chủ quan.*

- Khái niệm khách quan, chủ quan – Sự đồng nhất và khác biệt giữa hai cặp phạm trù khách quan, chủ quan với vật chất và ý thức.

- Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan.

*b) Nguyên tắc kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong nhận thức và thực tiễn.*

- Nội dung của nguyên tắc.

- Yêu cầu của nguyên tắc.

*c) Vấn đề kết hợp tôn trọng khách quan với phát huy tính năng động chủ quan trong công cuộc đổi mới ở Việt Nam hiện nay.*

- Về phương pháp “ nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật...” trong đánh giá tình hình.

- Về bài học “ Tôn trọng quy luật khách quan...” trong quá trình đổi mới.

- Về khắc phục bảo thủ, trì trệ và chủ quan, duy ý chí trong đổi mới toàn diện xã hội.

### **Chương 3. PHÉP BIỆN CHỨNG**

#### **1. Khái quát về sự hình thành, phát triển của phép biện chứng trong lịch sử**

- Lịch sử khái niệm “biện chứng” và khái niệm “siêu hình”.

- Phép biện chứng “tự phát” (sơ khai) trong nền triết học Trung Quốc Ấn Độ và Hy Lạp cổ đại.

- Phép biện chứng duy tâm trong triết học Cổ điển Đức (Kant, Hêghen).

- Sự hình thành, phát triển của phép biện chứng duy vật trong triết học Mác – Lênin.

#### **2. Các nguyên lý và quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật**

##### *a) Hai nguyên lý cơ bản của phép biện chứng duy vật.*

- Nguyên lý mối liên hệ phổ biến.

+ Tính khách quan, phổ biến của mối liên hệ. Phân biệt giữa "liên hệ" và "quan hệ".

+ Tính phong phú nhiều vẻ của các kiểu liên hệ trong tự nhiên và xã hội.

+ Về các mối liên hệ phổ biến của phép biện chứng duy vật.

- Nguyên lý phát triển.

+ Phát triển và vận động; phát triển và tăng trưởng.

+ Nội dung nguyên lý phát triển của phép biện chứng duy vật.

+ Sự phát triển trong xã hội: tiến bộ và thoái bộ lịch sử.

- Ý nghĩa phương pháp luận.

*b) Các quy luật cơ bản và các cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật.*

*- Hệ thống phạm trù và quy luật trong phép biện chứng duy vật.*

+ Phép biện chứng duy vật với tính cách sự phản ánh tính biện chứng khách quan của hiện thực. Mỗi quan hệ giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan.

+ Quan niệm về phạm trù trong phép biện chứng duy vật. Phạm trù là hình thức phản ánh phổ biến về hiện thực và nấc thang phát triển của nhận thức.

+ Quan niệm về quy luật trong phép biện chứng duy vật. Quy luật và tính quy luật, phân loại quy luật.

+ Tương quan giữa các phạm trù và các quy luật cơ bản của phép biện chứng. Quan điểm của V.I Lênin về các yếu tố của phép biện chứng duy vật.

+ Phép biện chứng duy vật với tính cách là một hệ thống và sự vận động theo quy luật biện chứng.

*- Các quy luật cơ bản của phép biện chứng*

Vị trí và nội dung cơ bản của các quy luật:

+ Những thay đổi về lượng dẫn đến thay đổi về chất và ngược lại. Ý nghĩa phương pháp luận.

+ Thống nhất và đấu tranh các mặt đối lập. Ý nghĩa phương pháp luận.

+ Phủ định của phủ định. Ý nghĩa phương pháp luận.

*- Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng*

Vị trí và nội dung cơ bản của mỗi quan hệ biện chứng giữa: cái riêng và cái chung, nguyên nhân và kết quả, tất nhiên và ngẫu nhiên, khả năng và hiện thực, nội dung và hình thức, bản chất và hiện tượng. Ý nghĩa phương pháp luận.

### **3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy vật trong nhận thức và thực tiễn**

*a) Những nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật .*

- Nguyên tắc toàn diện trong nhận thức và thực tiễn (nội dung và yêu cầu)
- Nguyên tắc phát triển và phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể (nội dung và yêu cầu).
- Nguyên tắc lịch sử - cụ thể và phương pháp thống nhất lịch sử - lôgic (nội dung và yêu cầu).

*b) Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.*

- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc giải quyết các vấn đề về phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa – xã hội.
- Phương pháp luận biện chứng duy vật với việc khái quát lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.
- Phương pháp luận biện chứng duy vật với hoạt động nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.

## **Chương 4. NHẬN THỨC LUẬN**

### **1. Các quan niệm chính trong lịch sử triết học về nhận thức**

- + Các khái niệm "nhận thức", "ý thức", "tư duy", "tư tưởng" và "lý luận nhận thức"; "lý luận nhận thức duy vật" và "lý luận nhận thức duy tâm".
- + Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức.
- + Đối tượng của nhận thức.
- + Nguồn gốc, bản chất của nhận thức.
- + Mục đích, nội dung của nhận thức.
- + Về khả năng của nhận thức: chủ nghĩa khả tri, chủ nghĩa hoài nghi, chủ nghĩa bất khả tri.
- + Sự đa dạng và thống nhất các kiểu tri thức.

### **2. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng**

*a) Các nguyên tắc và đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.*

+ Các nguyên tắc xây dựng lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

+ Phản ánh tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan - nguyên tắc nền tảng của nhận thức.

+ Đối tượng của lý luận nhận thức duy vật biện chứng.

*b) Các giai đoạn cơ bản của quá trình nhận thức.*

+ Sự phản ánh trực quan về hiện thực: đặc điểm; các hình thức của nhận thức cảm tính (cảm giác, tri giác, biểu tượng); vai trò của chúng trong nhận thức.

+ Tư duy trừu tượng: đặc điểm; các hình thức cơ bản của tư duy trừu tượng (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh), vai trò của chúng trong nhận thức.

+ Mối quan hệ, sự chuyển hoá từ nhận thức cảm tính đến nhận thức lý tính. Logic của nhận thức. Sự thống nhất giữa quan niệm "đi từ trừu tượng đến cụ thể" (của C.Mác) và quan niệm "đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng" (của V. I. Lênin).

*c) Biện chứng của quá trình nhận thức*

+ Mâu thuẫn biện chứng và sự giải quyết mâu thuẫn trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Lượng - chất và sự chuyển hoá giữa lượng và chất trong quá trình phát triển của nhận thức.

+ Phủ định biện chứng và sự phủ định biện chứng trong quá trình phát triển của nhận thức.

*d) Quan điểm biện chứng duy vật về chân lý*

+ Khái niệm chân lý; sự đối lập giữa chân lý và sai lầm; tiêu chuẩn của chân lý.

+ Tính tương đối và tính tuyệt đối của chân lý; chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối.

+ Tính cụ thể của chân lý.

### **3. Phương pháp đặc thù của nhận thức xã hội**

- Tính đặc thù của nhận thức xã hội.

- Những phạm trù cơ bản của nhận thức xã hội (hệ tư tưởng; các khoa học xã hội, các khoa học - nhân văn...).

- Vai trò của nhận thức xã hội.

- Định hướng phát triển khoa học xã hội - nhân văn.

+ Các trình độ phát triển của nhận thức khoa học: quan sát và thí nghiệm, dữ kiện và trừu tượng khoa học, mô tả và giải thích, giả thuyết và lý thuyết, dự báo khoa học.

+ Các đặc điểm của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

+ Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn.

### **4. Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

*a) Nội dung của nguyên tắc.*

- Một số quan niệm trong lịch sử triết học về mối quan hệ lý luận và thực tiễn.

- Các khái niệm cơ bản: Lý luận, lý luận khoa học xã hội, lý luận Mác – Lênin; khái niệm thực tiễn, thực tiễn với tính cách là hiện thực trực tiếp của tư tưởng, là mắt khâu quan trọng của quá trình nhận thức.

- Mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn.

+ Vai trò của thực tiễn đối với nhận thức lý luận.

+ Vai trò của lý luận đối với thực tiễn.

+ Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lý luận và thực tiễn; giữa lý thuyết với thực hành, giữa lý thuyết, lý luận và thực tế.

- Ý nghĩa phương pháp luận.

*b) Vận dụng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.*

- Sự tụt hậu và tách rời giữa thực tiễn và lý luận - hậu quả và nguyên nhân.

- Những phương hướng cơ bản nhằm vận dụng đúng nguyên tắc thống nhất lý luận và thực tiễn.

+ Đối với hoạt động lý luận (các nhà khoa học, các cơ quan hoạch định chính sách của Đảng và Nhà nước): lý luận phải luôn bám sát thực tiễn, nắm bắt được yêu cầu của thực tiễn, khái quát được những kinh nghiệm của thực tiễn; khắc phục bệnh giáo điều.

+ Đối với hoạt động thực tiễn (các chủ thể vận dụng lý luận – đường lối chính sách): hoạt động thực tiễn phải có sự chỉ đạo của lý luận, vận dụng lý luận phải phù hợp với hoàn cảnh lịch sử - cụ thể; khắc phục bệnh kinh nghiệm chủ nghĩa.

+ Vấn đề tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.

## **Chương 5. HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI**

### **1. Các phương pháp tiếp cận khác nhau về xã hội và sự vận động, phát triển của lịch sử nhân loại**

- Phương pháp tiếp cận của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo và những hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của lý thuyết về sự tiến triển các nền văn minh trong triết học phương Tây đương đại – giá trị và hạn chế của nó.

- Phương pháp tiếp cận của triết học Mác-Lênin và bản chất khoa học, cách mạng của nó.

### **2. Những nội dung khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội**

*a) Sản xuất vật chất là nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội*

- Khái niệm xã hội và khái quát quá trình phát triển của xã hội.
- Vai trò của sản xuất vật chất.
- + Sự sản xuất xã hội và ba quá trình sản xuất của xã hội.
- + Vai trò của sản xuất vật chất đối với đời sống xã hội.
- + Ý nghĩa phương pháp luận.
- Vai trò của phương thức sản xuất.
- + Khái niệm phương thức sản xuất và tính thống nhất giữa phương thức tổ chức kinh tế với phương thức kỹ thuật – công nghệ của quá trình sản xuất.
- + Vai trò quyết định của phương thức sản xuất đối với trình độ phát triển của nền sản xuất vật chất của xã hội.
- + Khuynh hướng phát triển khách quan của các phương thức sản xuất trong lịch sử nhân loại – nhân tố quyết định sự phát triển của các nền văn minh và tiên bộ xã hội.
- + Ý nghĩa phương pháp luận chung.

*b) Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất*

- Khái niệm lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất (các mặt, các yếu tố cấu thành, vai trò, đặc điểm trong xã hội công nghiệp và trong nền kinh tế thị trường hiện đại).
- Mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong quá trình vận động, phát triển của phương thức sản xuất. Ý nghĩa phương pháp luận.
- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

*c) Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội*

- Khái niệm cơ sở hạ tầng, kiến trúc thượng tầng (kết cấu cơ bản và vai trò của các yếu tố).
- Mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong quá trình vận động, phát triển của xã hội. Biện chứng giữa kinh tế và chính trị.



- Ý nghĩa phương pháp luận chung.

*d) Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên.*

- Kết cấu cơ bản của hình thái kinh tế - xã hội.

- Tính quy luật khách quan của quá trình vận động, phát triển xã hội.

- Vai trò của các nhân tố chủ quan đối với tiến trình vận động, phát triển xã hội.

- Về khả năng và các điều kiện “bỏ qua” một số hình thái kinh tế-xã hội trong tiến trình phát triển của lịch sử xã hội.

- Những giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế-xã hội.

### **3. Giá trị khoa học và cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội đối với sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

*a) Vấn đề lựa chọn con đường phát triển của xã hội Việt Nam*

- Các quan điểm khác nhau về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về con đường phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tính tất yếu, khả năng và những điều kiện (khách quan, chủ quan) của sự lựa chọn con đường định hướng phát triển đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

- Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và thực chất của sự “phát triển rút ngắn” con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

- Mục tiêu tổng quát và những định hướng lớn của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam (theo Cương lĩnh bổ sung và phát triển năm 2011 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011 – 2020: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển kinh tế; xây dựng văn hóa, phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học và công nghệ; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng Đảng ngang tầm với nhiệm vụ; kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ...)

*b) Vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.*

- Xác định vị trí của chiến lược phát triển kinh tế trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

- Các nội dung cơ bản của mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Các nhiệm vụ cơ bản của phát triển kinh tế ở Việt Nam trong giai đoạn 2011 – 2020.

## **Chương 6. TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ**

### **1. Các quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học**

*a) Quan niệm của triết học ngoài mácxít về chính trị*

- Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học trước Mác.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Ấn Độ cổ, trung đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Trung Quốc cổ, trung đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học Hy Lạp, La Mã cổ đại.

+ Quan niệm về chính trị trong triết học phương Tây thời trung, cận đại.

- Các quan niệm của triết học đương đại về chính trị.

+ Các lý thuyết đương đại về chính trị.

+ Về triết học chính trị và chính trị học (nghĩa rộng và nghĩa hẹp).

*b) Quan điểm của triết học Mác - Lênin về chính trị.*

+ Các tiền đề hình thành quan niệm về chính trị trong triết học Mác.

+ Định nghĩa về chính trị của Lênin.

+ Các đặc trưng cơ bản của chính trị (bản chất, quyền lực và sự tha hóa quyền lực, động lực,...).

*c) Quan niệm đương đại về hệ thống chính trị.*

- Sự phát triển từ quan điểm Mác-Lênin về chuyên chính vô sản đến quan

niệm đương đại về hệ thống chính trị.

+ Quan niệm Mác - Lênin về chuyên chính vô sản (định nghĩa, bản chất, nội dung...).

+ Hệ thống chính trị - cấu trúc chính trị phổ biến trong xã hội hiện đại (định nghĩa hệ thống chính trị; kết cấu; các đặc trưng của hệ thống chính trị).

- Hệ thống chính trị của xã hội tư bản và hệ thống chính trị của xã hội xã hội chủ nghĩa.

## **2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội**

### *a) Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp*

- Các quan điểm triết học ngoài Mácxit về giai cấp và đấu tranh giai cấp.
- Nguồn gốc và bản chất giai cấp.
- Đấu tranh giai cấp trong lịch sử (tính tất yếu, nội dung, hình thức, vai trò)
- Cách mạng xã hội – hình thức phát triển cao nhất của đấu tranh giai cấp.
- Đặc thù của vấn đề giai cấp ở Việt Nam.

### *b) Dân tộc và vấn đề quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại*

- Dân tộc - Hình thức cộng đồng người cao nhất và phổ biến nhất trong lịch sử.
- Quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại.
- Đặc thù của vấn đề dân tộc ở Việt Nam.

### *c) Nhà nước - Tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị*

- Các quan điểm triết học ngoài mácxít về nhà nước.
- Nguồn gốc, bản chất nhà nước.
- Đặc trưng, chức năng của nhà nước.
- Các kiểu và hình thức nhà nước.
- Nhà nước TBCN và Nhà nước XHCN.

- Đặc thù của Nhà nước Việt Nam trong lịch sử và hiện đại.

### **3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay**

#### *a) Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay*

- Quan niệm về dân chủ (trong triết học phi mácxít và triết học Mác-Lênin).
- Những phát triển mới trong nhận thức về dân chủ của Đảng Cộng sản Việt Nam (từ chế độ làm chủ tập thể đến dân chủ XHCN).
- Thực chất của phát huy dân chủ XHCN. Mục tiêu, nội dung và các điều kiện để phát huy dân chủ XHCN ở Việt Nam hiện nay.

#### *b) Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay*

- Nhận thức mới của Đảng ta về hệ thống chính trị XHCN (Từ hệ thống chuyên chính vô sản đến hệ thống chính trị XHCN) – Kết cấu; vai trò.
- Quan niệm về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay - Thực chất, mục tiêu, nội dung cơ bản.

#### *c) Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*

- Tư tưởng về nhà nước pháp quyền là thành quả của nền văn minh nhân loại. Các cách tiếp cận; những đặc trưng cơ bản,...
- Quan điểm về nhà nước pháp quyền XHCN và xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam là kết quả của một quá trình nhận thức và khảo nghiệm trong thực tiễn đổi mới của Đảng ta.
- Quan niệm của Đảng ta về nhà nước pháp quyền XHCN – những đặc trưng cơ bản - Kết quả kế thừa và phát triển quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tiễn.
- Phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam.

#### *d) Ý nghĩa của đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn.*

- Vai trò của phát huy dân chủ đối với sự phát triển khoa học xã hội và nhân văn.

- Vai trò của đổi mới hệ thống chính trị đối với việc đổi mới tổ chức, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn.

- Vai trò của vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN đối với việc phát huy vai trò của KHxHNV trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay.

## **Chương 7. Ý THỨC XÃ HỘI**

### **1. Khái niệm tồn tại xã hội, ý thức xã hội**

*a) Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội*

- Khái niệm tồn tại xã hội.

- Các yếu tố cơ bản hợp thành tồn tại xã hội và vai trò quyết định của phương thức sản xuất trong tồn tại xã hội.

*b) Khái niệm ý thức xã hội và kết cấu cơ bản của ý thức xã hội*

- Khái niệm ý thức xã hội.

- Kết cấu cơ bản của ý thức xã hội (hai trình độ phản ánh của ý thức xã hội và các hình thái cơ bản của ý thức xã hội).

### **2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội**

*a) Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội*

- Tồn tại xã hội quyết định sự ra đời, bản chất của ý thức xã hội.

- Tồn tại xã hội quyết định nội dung của ý thức xã hội.

- Tồn tại xã hội quyết định tính chất của ý thức xã hội.

- Tồn tại xã hội quyết định sự biến đổi của ý thức xã hội.

- Phương thức sản xuất vật chất quyết định phương thức sản xuất đời sống tinh thần của xã hội.

*b) Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội*

- Nội dung tính độc lập tương đối của ý thức xã hội.
- Vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội.

### **3. Xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay**

*a) Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay*

- Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay.
- Tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.

*b) Một số vấn đề cơ bản của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.*

- Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại trong việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay.
- Phát huy tinh thần khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.
- Kế thừa và phát huy các giá trị tinh hoa trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.
- Tiếp thu và phát huy các giá trị tư tưởng tiên bộ của nhân loại
- Khắc phục những hạn chế và tác động tiêu cực của tư tưởng, tâm lý tiêu nòng trong sự nghiệp công nghiệp hóa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ đổi mới hiện nay.

## **Chương 8. TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI**

### **1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử**

*a) Triết học phương Đông*

- Về nguồn gốc con người theo quan điểm duy tâm, duy vật mộc mạc, tôn giáo.

- Về bản chất con người trong triết lý Đạo giáo, Phật giáo, Nho giáo...

*b) Triết học phương Tây trước Mác*

- *Thời kỳ tiền triết học*: Tư tưởng duy tâm, thần bí; tư tưởng duy vật về con người.

- *Thời kỳ cổ đại*: Quan điểm duy vật chất phác, mộc mạc trong triết học tự nhiên, phái nguyên tử luận ...Quan điểm duy tâm về con người trong tư tưởng triết học của Pitago, Xôcrát, Platôn, Aritxtốt ...

- *Thời kỳ trung cổ*: Quan niệm con người theo quan điểm duy tâm của giáo lý Kitô, Ôguýtxtanh, Tômát Đacanh...

- *Thời kỳ Phục hưng - Cận đại*: Tư tưởng triết học duy vật về con người của Bêcon, Đêcác, Đidrô, Henvêtyút...

- *Triết học cổ điển Đức*: Tư tưởng triết học về con người trong triết học Hêghen, Phoiobắc.

*c) Quan niệm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài mác-xít đương đại*

Quan niệm về con người trong Triết học nhân bản, Triết học hiện sinh, Chủ nghĩa thực chứng mới, Thuyết nhân bản trong tôn giáo hiện đại, Chủ nghĩa Phrôt và chủ nghĩa Phrôt mới – Những hạn chế và giá trị lịch sử của nó.

## **2. Quan điểm triết học Mác – Lênin về con người**

*a) Khái niệm con người*

- Quan niệm con người là thực thể sinh học xã hội.

- Hai mặt, hai yếu tố cơ bản cấu thành con người.

- Về vai trò của con người là chủ thể hoạt động thực tiễn.

- Các quan niệm và cấp độ khác nhau trong tiếp cận về con người: Cá thể, cá nhân, nhân cách...

*b) Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người*

- *Sự hình thành, phát triển con người là một quá trình gắn liền với lịch sử*

*sản xuất vật chất*. Lao động là điều kiện chủ yếu quyết định sự hình thành, phát triển của con người. Sáng tạo là thuộc tính tối cao của con người.

- *Con người là một chỉnh thể thống nhất giữa mặt sinh học và mặt xã hội*. Các yếu tố và mối quan hệ giữa mặt sinh học và mặt xã hội; cơ chế di truyền và hoạt động xã hội của con người.

- *Con người tồn tại, phát triển trong môi trường cư trú xã hội- hành tinh- vũ trụ* và mang những thuộc tính tự nhiên - sinh học – xã hội.

- *Con người là một thực thể cá nhân - xã hội*. Con người vừa là một chỉnh thể đơn nhất, vừa mang những phẩm chất của hệ thống các quan hệ xã hội.

- *Sự thống nhất biện chứng giữa con người giai cấp và con người nhân loại*. Bản chất xã hội, địa vị kinh tế xã hội và điều kiện sinh hoạt vật chất quy định sự đồng nhất và sự khác biệt giữa tính giai cấp và tính nhân loại của con người.

- *Con người thống nhất biện chứng giữa tất yếu và tự do*. Hoạt động của con người là sự thống nhất biện chứng giữa tự phát và tự giác, giữa tất yếu và tự do.

*c) Hiện tượng tha hoá của con người và vấn đề giải phóng con người*

- *Hiện tượng tha hoá của con người*.

+ Quan niệm về tha hoá, nguồn gốc của tha hoá, khắc phục sự tha hoá.

+ Triết học Mác – Lênin với tính cách là lý luận triết học về khắc phục sự tha hoá của con người.

- *Vấn đề giải phóng con người trong Triết học Mác-Lênin*.

Thực chất của triết học Mác – Lênin là học thuyết giải phóng con người, vì sự phát triển toàn diện của con người.

### **3. Vấn đề con người trong tư tưởng nhân văn Hồ Chí Minh**

- Quan niệm về con người.

- Về mục tiêu giải phóng con người.

- Về vai trò động lực của con người trong Cách mạng Việt Nam.



#### **4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay**

##### *a) Quan niệm triết học về nhân tố con người*

- Khái niệm nhân tố con người; những đặc trưng xã hội quy định vai trò chủ thể tích cực, tự giác, sáng tạo của con người.

- Quan niệm về phát huy nhân tố con người.

- Nhân tố con người trong quan hệ với nhân tố xã hội, nguồn lực con người, nguồn nhân lực, nguồn nhân lực chất lượng cao, phát triển con người...

##### *b) Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay*

- Sự nghiệp đổi mới đặt con người vào vị trí trung tâm - vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển.

- Vấn đề chiến lược con người ở Việt Nam hiện nay.

- Những động lực cơ bản phát huy nhân tố con người trong đổi mới đất nước hiện nay.

+ Lợi ích với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề giải quyết hài hòa các mối quan hệ lợi ích, thực hiện công bằng xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Dân chủ với tính cách là một động lực tích cực hoá nhân tố con người. Vấn đề dân chủ hoá mọi mặt đời sống xã hội trong sự nghiệp đổi mới hiện nay.

+ Trí tuệ - động lực bên trong của tính tích cực, tự giác, sáng tạo con người. Giáo dục – Đào tạo với vấn đề phát triển trí tuệ và nền tảng thể chất của con người Việt Nam hiện nay.

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Trần Đăng Sinh (chủ biên), 2008, *Lịch sử triết học*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
2. Nguyễn Thái Sơn, 2009, *Các chuyên đề triết học*, ĐHQG, Hà Nội.
3. *Giáo trình Triết học Mác Lê Nin* – Nxb CTQG, Hà Nội, 2002.

4. *Giáo trình Chủ nghĩa duy vật biện chứng*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2002.
5. *Giáo trình Chủ nghĩa duy vật lịch sử*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2004.
6. *Lịch sử triết học (tập 1,2,3)*, Nxb TTVH, Hà Nội, 1992
7. Nguyễn Ngọc Quyên, Nguyễn Đại Thắng (2005), *Giáo trình lịch sử triết học*, Tủ sách Đại học Cần Thơ.
8. *Triết học Mác Lê Nin (Giáo trình chuẩn)*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2001.
9. *Đại cương lịch sử triết học phương đông cổ đại (1992)*, Nxb ĐH&GDCN, Hà Nội
10. *Giáo trình triết học Mác Lê nin dùng trong các trường đại học cao đẳng*, Nxb CTQG, Hà Nội 2002
11. *Triết học tập 1,2,3*. Dùng cho NCS và Cao học không thuộc chuyên ngành triết học) Nxb chính trị quốc gia Hà Nội 1997

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Làm tiểu luận hoặc bài tập lớn (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

## **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

TBNNCB 502. TIẾNG ANH 1 5 (3, 2)

---

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Cơ sở, Trường Đại học Tây Bắc

### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các kiến thức về ngữ pháp (grammar), từ vựng (vocabulary) và rèn luyện 4 kỹ năng: nghe (listening), nói (speaking), đọc (reading), viết (writing).

### **Mục tiêu học phần**

Về kiến thức:

- **Ngữ pháp.** Học viên có các kiến thức về các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho người học tiếng Anh trình độ tiền trung cấp như thời hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, các động từ khuyết thiếu.

- **Ngữ âm.** Học viên có thể nhận biết và phát âm đúng những phiên âm tiếng Anh; phân biệt cách phát âm chuẩn và không chuẩn; nắm bắt được cách phát âm trọng âm của từ.

- **Từ vựng.** Học viên nắm được những từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày để nói về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, lĩnh vực quan tâm, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Bên cạnh đó, học viên cũng được học cách cấu tạo và sử dụng các loại từ vựng như tính từ, trạng từ, đại từ, động từ tình thái, cụm động từ, cách kết hợp từ, quy tắc cấu tạo từ.

Về kỹ năng:

- **Kỹ năng nghe**

Học viên có thể nghe hiểu ý chính được truyền tải trong những bài nói về những chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày, trong công việc, học tập, giải trí với tốc độ lời nói khá chậm; có thể hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng, về kinh nghiệm và kiến thức chung; có thể nghe hiểu được một bài giảng hay bài

nói chuyện thuộc lĩnh vực/ chuyên ngành thuộc công việc của mình nếu nội dung được trình bày dễ hiểu, rõ ràng.

### • **Kỹ năng nói**

Học viên có thể thực hiện các cuộc hội thoại không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch, sự kiện đang diễn ra; Sử dụng ngôn ngữ để giải quyết các tình huống nảy sinh trong quá trình du lịch ở nơi ngôn ngữ đó được sử dụng như đặt vé máy bay, đặt phòng, hỏi đường ...; Kết hợp các cụm từ thành câu và sử dụng các cấu trúc câu tương ứng để miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, ước mơ, hi vọng, tham vọng, đưa ra và giải thích cho đề xuất, lý do, ý kiến, kế hoạch mà mình đã đưa ra.

### • **Kỹ năng đọc**

Học viên có thể đọc hiểu những văn bản thông thường như quảng cáo, bảng biểu, thực đơn hoặc những văn bản chuyên ngành đơn giản thuộc lĩnh vực họ quan tâm; đọc lướt các văn bản tương đối dài (khoảng từ 250 đến 300 từ) để xác định thông tin cần tìm, tập hợp thông tin từ các phần của bài đọc hay từ các bài khác nhau để hoàn thành nhiệm vụ cụ thể được giao; đọc hiểu nội dung trong thư cá nhân miêu tả sự kiện, cảm xúc, mong muốn nhằm trao đổi thư với bạn bè nước ngoài; đọc hiểu chi tiết những hướng dẫn sử dụng thiết bị kỹ thuật trong cuộc sống hàng ngày.

### • **Kỹ năng viết**

Học viên có thể viết thư cá nhân nhằm mục đích thông báo tin tức, bày tỏ suy nghĩ về một vấn đề cụ thể hay trừu tượng như âm nhạc, điện ảnh hoặc miêu tả sự kiện, kinh nghiệm trải qua, và trình bày cảm xúc, ấn tượng về sự kiện đó; viết tóm tắt, viết đoạn văn theo đúng cấu trúc đã học trong đó trình bày ý kiến, quan điểm của mình về vấn đề quan tâm.

Về Thái độ: Yêu môn học, có ý thức vận dụng tiếng Anh trong việc nghiên cứu khoa học, đọc tài liệu và làm luận văn.

### **Nội dung chi tiết học phần**

Tên bài	Từ vựng	Ngữ pháp	Ngữ âm	Ôn lại	Bài thi	Thời gian
1. A question of sport	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Definitions and explanations</li> <li>•A <i>kind of</i> + <i>ing</i>/noun</li> <li>•Sports</li> <li>•Hobbies</li> <li>•Expressing attitude</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Present simple/ <i>to be</i> + frequency adverbs</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•/ai/ as in <i>like</i></li> <li>•/i:/ as in <i>steep</i></li> <li>•/i/ as in <i>big</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Present simple</li> <li>•The alphabet</li> <li>•Like + <i>-ing</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Reading part 1</li> <li>•Speaking part 1</li> </ul>	4 tiết
2. I'm a friendly people	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Describing people</li> <li>•Appearance</li> <li>•Personality</li> <li>•Interests</li> <li>•Inviting and responding to invitations</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Like/enjoy + <i>-ing</i></li> <li>•Want/would like + <i>to</i></li> <li>•To be + a(n) occupation</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•/o/ as in <i>pop</i></li> <li>•/ʌ/ as in <i>fun</i></li> <li>•/ju:/ as in <i>university</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Have <i>got</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Listening part 3</li> <li>•Writing parts 1, 2, and 3</li> </ul>	4 tiết
3. What's your job?	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Saying what people are doing</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Present simple vs present</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•/æ/ as in <i>cat</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Present simple (Unit 1)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>•Speaking part 3</li> </ul>	

	<ul style="list-style-type: none"> <li>• jobs</li> </ul>	<p>continuous (for present actions)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• State verbs</li> <li>• Short answers</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• /a:/ as in <i>cart</i></li> <li>• /ʌ/ as in <i>cut</i></li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 5</li> </ul>	4 tiết
4. Let's go out	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Entertainment</li> <li>• Making appointments</li> <li>• Dates</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Prepositions of time</li> <li>• Present continuous for future plans</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Saying days and months</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Would like + to?</i> (Unit 2)</li> <li>• Present continuous (Unit 3)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening part 1</li> <li>• Writing part 2</li> </ul>	4 tiết
5. Wheels and wings	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Transports</li> <li>• Airport language</li> <li>• Compound nouns</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Need</i></li> <li>• Countable and uncountable nouns</li> <li>• Expressions of quantity</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Unstressed <i>a, of, to</i> and <i>some</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Frequency adverbs and present simple (Unit 1)</li> <li>• Compound nouns from Units 1 - 4</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 2</li> </ul>	4 tiết

6. What did you do at school today?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• School life</li> <li>• School subjects</li> <li>• Describing feelings and opinions</li> <li>• Dates (years and decades)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Past simple</li> <li>• Short answers</li> <li>• Adjective ending in <i>-ing</i> and <i>-ed</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Final sound of regular verbs in past tense: /t/, /d/, and /id/</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Expressing opinion</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening part 2</li> <li>• Writing part 3</li> </ul>	4 tiết
<b>Units 1 - 6 Revision</b>						2 tiết
7. Around town	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Places, buildings in towns</li> <li>• Directions</li> <li>• Polite questions</li> <li>• Saying you don't understand</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Prepositions of place and movement</li> <li>• Comparative adjectives</li> <li>• commands</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• /au/ as in <i>out</i></li> <li>• /o:/ as in <i>or</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Adjectives from earlier units</li> <li>• Spelling rules</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 3</li> </ul>	4 tiết
8. Let's celebrate	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Describing experiences and recent activities</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Present perfect simple</li> <li>• Just,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dates</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Dates (Unit 4)</li> <li>• Talking about</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Speaking part 3 and 4</li> <li>• Writing</li> </ul>	



	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Celebrations</li> <li>• Festivals and parties</li> <li>• Giving good wishes</li> </ul>	already, yet		<p>pictures (Unit 3)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Present tenses</li> </ul>	g part 2	4 tiết
9. How do you feel?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Parts of the body</li> <li>• Illnesses</li> <li>• Giving advice</li> <li>• Expressions with <i>at</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Short answers in present perfect</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• /ei/ as in <i>say</i></li> <li>• /e/ as in <i>tell</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Present tenses</li> <li>• Past simple</li> <li>• Present perfect</li> <li>• Short answers</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 4</li> <li>• Speaking part 2</li> </ul>	4 tiết
10. I look forward to hearing from you	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Letters and emails, etc.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Present perfect and past simple</li> <li>• <i>Ago, for, since, in</i></li> <li>• <i>Been</i> and <i>gone</i></li> <li>• <i>Have you ever...?</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Final sound of plural nouns</li> <li>• /s/, /z/, /iz/</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Past simple</li> <li>• Present perfect</li> <li>• Short answer</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening part 1</li> <li>• Writing part 3</li> </ul>	4 tiết
11. Facts and	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Countries</li> <li>• Nationalities</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Superlative adjectives</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• /tδ/ as in <i>cheese</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Comparative adjectives</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 5</li> </ul>	

figures	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Languages</li> <li>• Large numbers and measurements</li> <li>• What to say when you are not sure</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Present simple</li> <li>• Present passive</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• /ð/ as in <i>shoe</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Descriptive adjectives (Units 2 and 6)</li> </ul>		4 tiết
12. A good read	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Telling a story</li> <li>• Saying what happened and what was happening</li> <li>• Kinds of books</li> <li>• Book reviews</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Past continuous</li> <li>• Past continuous vs. past simple</li> <li>• While/when + past continuous</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• /u:/ as in <i>two</i></li> <li>• /u/ as in <i>took</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Saying what you like and why</li> <li>• Giving opinions</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Speaking part 1</li> <li>• Writing part 3</li> </ul>	4 tiết
<b>Units 7 - 12</b> <b>Revision and mid-</b>						3 tiết

term test						
13. A place of my own	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Describing styles and saying what you prefer</li> <li>• Price</li> <li>• Room and furniture</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Modals (probability and possibility)</li> <li>• It <i>could/ might/ must/ can't be</i></li> <li>• Prepositions of place</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• /z/ as in <i>television</i></li> <li>• /dz/ as in <i>joke</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Present and past tenses</li> <li>• Prepositions (Unit 7)</li> <li>• Advice (Unit 9)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 2</li> </ul>	4 tiết
14. What is in fashion?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Guessing unknown words</li> <li>• Clothes</li> <li>• Colours</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Use to</li> <li>• Too and enough with adjectives</li> <li>• Adjective orders</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Pronunciation of <i>gh</i> and <i>ph</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Describing things</li> <li>• Years and decades (Unit 6)</li> <li>• Superlative adjectives (Unit 11)</li> <li>• Adjectives</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening part 4</li> <li>• Writing part 2 and 3</li> </ul>	4 tiết
15. Risk	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Rules</li> <li>• Phrasal verbs with <i>get</i></li> <li>• Activities</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Modals (permission and obligation)</li> <li>• Can,</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• pronunciation of <i>ou</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Adjectives from earlier Units</li> <li>• Past simple (Unit 6)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 1</li> </ul>	4 tiết

	and experiences • Adjectives and adverbs	can't • Have to, don't have to • Had to, didn't have to • adverbs				
16. Free time	• Study and leisure • The time • Invitations • Making arrangements	• <i>Going to</i> future • Present tenses after <i>when, after and until</i> in future time	• Saying times	• Invitations (Unit 2) • Present continuous for future plans (Unit 4)	• Listening part 2 • Writing part 1	4 tiết
17. Next's week episode	• Saying what will happen • TV and radio	• <i>Will</i> future • <i>Will</i> vs. going to • <i>Everyone, no one, someone, anyone</i>	• /a:/ as in <i>car</i> • /o:/ as in <i>sore</i> • /3:/ as in <i>third</i>	• <i>Need</i> (Unit 5) • Telling a story • Present continuous for present actions (Unit 3)	• Reading part 4	4 tiết
<b>Units 13 -</b>						

<b>17</b>		2 tiết
<b>Revision</b>		

**Tài liệu học tập và tham khảo:**

**Tài liệu học tập**

1. Louise Hashemi & Barbara Thomas (2010). **Objective PET (2nd Ed)**. CUP.

**Tài liệu tham khảo**

1. Falla, T. & Davis, P., **Solutions – Pre-intermediate**, OUP
2. Foley, M. & Hall, D., (2010), **Total English – Pre-intermediate**, Longman
3. Heyderman, E and May, P. (2010). **Complete Pet**. Cambridge University Press
4. John & Soar, L. **New Headway – pre-intermediate**, OUP
5. Oxenden, C, Koenig, K.L, Seligson, P and Clandfield, L. **New English File – Pre-intermediate**. Cambridge
6. O’Dell, F. **PET – Practise Tests EXTRA**, BCP
7. Rechards, J.C., **New Interchange - Pre-intermediate**, CUP

**Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài thi hết môn (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

**Dạng thức đề thi**

Dựa trên phụ lục IIIb ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư số 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

TBNNCS 503. TIẾNG ANH 2 4 (3, 1)

---

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Ngoại Ngữ, Trường Đại học Tây Bắc

### **Mô tả học phần**

Trang bị cho học viên cao học có đủ kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh trình độ trung cấp, tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ dành cho Việt Nam. Cụ thể:

Có thể hiểu được các ý chính của một diễn ngôn tiêu chuẩn (standard input), rõ ràng về các vấn đề quen thuộc trong công việc, học đường, giải trí, v.v...;

Có thể xử lý hầu hết các tình huống có thể xảy ra khi đi đến nơi sử dụng ngôn ngữ;

Có thể viết đơn giản nhưng liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm;

Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng và hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích cho ý kiến và kế hoạch của mình.

### **Mục tiêu học phần**

Về kiến thức:

• **Ngữ pháp.** Củng cố kiến thức ngữ pháp về các thì của động từ; sự hoà hợp giữa chủ ngữ và động từ; lượng từ, các cách diễn đạt về số lượng; tính từ; trạng từ; cụm trạng từ chỉ thời gian, nơi chốn, tần suất, mức độ, cách thức; các cấp độ so sánh của tính từ và trạng từ; cách diễn đạt thói quen trong quá khứ; động từ khuyết thiếu chỉ khả năng, sự cần thiết, sự bắt buộc. Cung cấp các kiến thức về cụm động từ, thành ngữ quen thuộc; trật từ từ trong các loại câu: câu kể, câu nghi vấn, câu phủ định, câu cảm thán, câu điều kiện, câu bị động, câu trần thuật.

• **Ngữ âm.** Củng cố việc phát âm đúng những phiên âm tiếng Anh; phân biệt cách phát âm chuẩn và không chuẩn; nắm bắt được cách phát âm trọng âm của từ. Luyện tập trọng âm, ngữ điệu câu và diễn ngôn.

• **Từ vựng.** Có vốn từ vựng khoảng 3250 đến 3750 từ về các chủ đề quen thuộc. Ngoài việc củng cố vốn từ vựng ở các chủ đề đã học, học phần cung cấp thêm từ vựng ở các chủ đề: Phim ảnh, cuộc sống gia đình, âm nhạc, giao tiếp, tình bạn, những phát minh, mua sắm, quảng cáo và sự thuyết phục, những trải nghiệm du lịch, những lễ kỷ niệm, thức ăn và nhà hàng, ...

Về kỹ năng:

• **Kỹ năng nghe**

Học viên có thể nghe lấy ý chính và xác định được các từ ngữ mấu chốt và những chi tiết quan trọng trong ngôn ngữ nói có độ khó trung bình (các đoạn hội thoại trực diện, các băng hình băng tiếng, các chương trình phát thanh) trong các tình huống giao tiếp nghi thức, bán nghi thức hoặc phi nghi thức (formal, semi-formal or informal), về các chủ đề hàng ngày quen thuộc liên quan đến bản thân, tại nơi làm việc, trường học... Tốc độ lời nói chậm đến trung bình.

Hiểu khá nhiều từ ngữ thông thường và một số lượng rất hạn chế các thành ngữ. Hiểu các diễn ngôn trong ngữ cảnh rõ ràng, về các kinh nghiệm và kiến thức chung. Nắm được ý chính những đoạn thảo luận khá dài. Theo dõi được một bài giảng hay bài nói chuyện thuộc chuyên ngành/lĩnh vực công việc của mình. Có thể ghi chép vắn tắt nội dung chính và một vài chi tiết trong khi nghe.

Hiểu các tập hợp chỉ dẫn/ hướng dẫn ngắn, các thông tin kỹ thuật đơn giản, hiểu các câu hỏi trực tiếp về kinh nghiệm bản thân hoặc các chủ đề quen thuộc.

Nghe hiểu, đoán trước được các lời nhắn đơn giản trên điện thoại, nhưng vẫn gặp nhiều khó khăn.

• **Kỹ năng nói**

Học viên có thể tham gia vào các cuộc trao đổi xã giao không chuẩn bị trước về những chủ đề quen thuộc mà bản thân quan tâm và công việc thường nhật một cách khá tự tin. Có thể duy trì một cách hợp lý và trôi chảy cuộc hội thoại. Cung cấp tương đối chi tiết thông tin, ý kiến, có thể miêu tả, báo cáo và kể lại một sự kiện/tình huống. Có thể phát triển lập luận đơn giản. Sử dụng đa dạng các cấu trúc

đơn giản và một số cấu trúc phức tạp nhưng đôi khi lược bỏ/giảm bớt một số thành phần như mạo từ, động từ thì quá khứ. Tuy nhiên vẫn mắc nhiều lỗi phát âm và ngữ pháp, đôi khi gây cản trở giao tiếp. Sử dụng tập hợp những từ dùng hàng ngày, ngữ đoạn và thành ngữ quen thuộc.

Đạt mức lưu loát trong giao tiếp thông thường, nhưng vẫn còn nhiều chỗ ngập ngừng và đôi khi cần có sự hỗ trợ của người cùng đối thoại. Trao đổi qua điện thoại những vấn đề quen thuộc, nhưng còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng khi không có hình ảnh/phương tiện nghe nhìn hỗ trợ. Trình bày có chuẩn bị trước một vấn đề, đề tài quen thuộc trong lĩnh vực công việc, nghiên cứu của mình, với các điểm chính được giải thích với độ chính xác tương đối.

### • Kỹ năng đọc

Học viên có thể đọc và nắm ý chính, hiểu các từ chủ yếu và chi tiết quan trọng trong một văn bản đơn giản (ba đến năm đoạn) hoặc bài đọc không theo hình thức văn xuôi trong ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ có yêu cầu khá cao. Đọc lướt tìm một số chi tiết cụ thể trong các văn bản dạng văn xuôi, bảng, biểu và lịch trình dùng cho mục đích phân tích, so sánh. Có thể thu thập thông tin từ nhiều phần của một văn bản hoặc từ nhiều văn bản khác nhau nhằm hoàn thành một nhiệm vụ cụ thể.

Xác định được các kết luận chính thức trong văn bản mang tính nghị luận.

Hiểu tin nhắn, thư, lịch trình, hành trình được đánh máy hoặc viết tay rõ ràng.

Lấy thông tin về các chủ điểm quen thuộc từ các văn bản có bố cục rõ ràng, gần gũi với kiến thức nền, lĩnh vực chuyên môn của mình hoặc trải nghiệm bản thân. Thường xuyên dùng từ điển đơn ngữ dạng đơn giản, thiết kế cho người học như ngôn ngữ thứ hai hoặc ngoại ngữ. Có kỹ năng suy luận ở mức độ thấp để hiểu ngôn ngữ của văn bản với một số mục từ trừu tượng, chứa đựng các khái niệm chuyên môn (ví dụ có thể đoán một vài từ mới bằng cách nhận ra tiền tố và hậu tố).

### • Kỹ năng viết

Học viên có thể hoàn thành các nhiệm vụ viết tương đối phức tạp. Truyền đạt có hiệu quả các thông tin quen thuộc trong một bố cục chuẩn quen thuộc.



Viết các bức thư và bài viết dài một, hai đoạn. Điền mẫu khai xin việc với các nhận xét ngắn về kinh nghiệm, khả năng, ưu điểm; có thể làm báo cáo, tóm tắt và đưa ra ý kiến về các thông tin, sự kiện về những đề tài hay gặp hoặc hiếm gặp liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của mình. Viết lại các thông tin đơn giản, nghe được hoặc nhìn thấy; có thể ghi chép khi nghe các bài trình bày ngắn hoặc từ các tài liệu tham khảo. Ghi chép thông tin từ băng, biểu dưới dạng một đoạn văn mạch lạc. Viết các báo cáo ngắn gọn theo một định dạng chuẩn đã quy ước sẵn, truyền đạt được các thông tin, sự kiện và/hoặc lí giải cho các hành động. Ghi chép khi nghe giảng, hội nghị, hội thảo với độ chính xác tương đối để sử dụng sau này với điều kiện đề tài quen thuộc, bài nói rõ ràng có bố cục mạch lạc.

Ghi lại lời nhắn điện thoại hàng ngày. Thể hiện khả năng kiểm soát viết tốt với các cấu trúc đơn giản song vẫn gặp khó khăn với một số cấu trúc phức tạp; một số câu/ cụm từ viết ra nghe chưa tự nhiên (ghép từ).

Về Thái độ: Yêu môn học, có ý thức vận dụng tiếng Anh trong việc nghiên cứu khoa học, đọc tài liệu và làm luận văn.

### Nội dung chi tiết học phần

Tên bài	Từ vựng	Ngữ pháp	Ngữ âm	Ôn lại	Bài thi	Thời gian
1. Shooting a film	<ul style="list-style-type: none"> <li>Talking about the order of past events</li> <li>Films</li> <li>Telling a story</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Past perfect</li> <li>Past perfect and past simple</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>/ʒ/ at the end of the words</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Past simple (Unit 6)</li> <li>Giving opinions (Unit 2 and 6)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Listening part 3</li> <li>Writing part 2</li> </ul>	4 tiết
2. Happy	<ul style="list-style-type: none"> <li>Families</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Verbs and</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>/ð/ as in</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Advice</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Reading</li> </ul>	

families	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Agreeing and disagreeing</li> <li>• Giving opinions</li> </ul>	expressions followed by <i>to</i> and <i>-ing</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Make</i> and <i>let</i></li> </ul>	<i>their</i> <ul style="list-style-type: none"> <li>• /θ/ as in <i>thirsty</i></li> </ul>	(Unit 9)	part 5	4 tiết
3. So you think you've got talent?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Music</li> <li>• Musical instruments</li> <li>• Congratulating</li> <li>• Saying what you like and prefer</li> <li>• jobs</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Comparison of adverbs</li> <li>• <i>So</i> and <i>such</i></li> <li>• connectives</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Homophone</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Comparative adjectives (Unit 7)</li> <li>• Superlative adjectives (Unit 11)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening part 1</li> <li>• Writing parts 3</li> </ul>	4 tiết
4. Keep in touch!	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Making phone call</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Have something done</li> <li>• Reported commands and requests</li> <li>• Possessive pronouns and adjectives</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Telephone numbers</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Present simple (Unit 1)</li> <li>• Commands (Unit 7)</li> <li>• Plans (Unit 11)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 3</li> </ul>	4 tiết
5.	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Saying</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reported</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Silent</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Modals:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening</li> </ul>	

Strange but true	what you (don't) believe <ul style="list-style-type: none"> <li>• Reporting verbs</li> <li>• Science fiction</li> </ul>	speech	consonants	<i>it</i> <i>could/might/</i> <i>must/can't</i> <i>be</i> (Unit 13) <ul style="list-style-type: none"> <li>• Present and past tenses</li> <li>• Giving opinions, agreeing and disagreeing</li> </ul>	g part 4 <ul style="list-style-type: none"> <li>• Writing part 1</li> </ul>	4 tiết
6. Best friends?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Friendship</li> <li>• Introducing people</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Relative clauses</li> <li>• Adjectives + prepositions</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Linking words ending in a consonant</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Personality adjectives (Units 2 and 6)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 1</li> <li>• Speaking part 2</li> </ul>	4 tiết
7. I've got an idea	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Describing objects</li> <li>• Talking about things you don't</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Past simple passive</li> <li>• Future passive</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Linking words ending in <i>r</i> and <i>re</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Modals: <i>it</i> <i>could/might/</i> <i>t/</i> <i>must/can't</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening part 3</li> <li>• Writing part 3</li> </ul>	

	<p>know the name of</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Guessing vocabulary</li> </ul>			<p><i>be</i> (Unit 13)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• A kind of (Unit 1)</li> <li>• Present simple passive (Unit 11)</li> <li>• Dates (years) (Units 6 and 14)</li> </ul>		4 tiết
<b>Units 1 – 7</b>	<b>Revision</b>					2 tiết
8. Shop till you drop	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Shops and shopping</li> <li>• Asking for things</li> <li>• Trying on clothes</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reported questions</li> <li>• <i>Too much, too many, not enough</i></li> <li>• Verbs with two objects</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Stress: correcting what people say</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reported speech (Unit 22)</li> <li>• Clothes (Unit 14)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 3</li> </ul>	4 tiết
9. Persuading	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Understanding writer or speaker</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• First conditional</li> <li>• <i>Unless</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Stress in common</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Making plans (Unit 16)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Speaking parts 1 and 2</li> </ul>	

people	purpose • Advertising • Reporting verbs	• <i>If</i> and <i>when</i>	short phrases	• Telling a story (Unit 12)	• Writing part 3	4 tiết
10. Travellers' tales	• Saying why people do things • Travel • Word building	• Adverbs at the beginning of a sentence • Reflexive pronouns: myself, yourself, etc • Each, every, all • Using the passive	• /eɜ/ as in <i>chair</i> • /iɜ/ as in <i>here</i>	• Guessing unknown words • Present and past simple passive (Units 11 and 24) • Giving advice (Units 9 and 19)	• Reading part 2	4 tiết
11. What would you do?	• Jobs • Expressions with prepositions	• Second conditional	• auxiliaries	• Modals: <i>it could/might/must/can't be</i> (Units 13 and 24) • Agreeing	• Listening part 2 • Writing part 1	4 tiết

				g and disagreeing, opinion (Unit 19)  • <i>If</i> and <i>when</i> and first conditional (Unit 26)		
12. What is on the menu?	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Asking politely</li> <li>• Food</li> <li>• Restaurants</li> <li>• apologising</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• So do I, Neither/Nor do I</li> <li>• Polite question forms</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Unstressed words</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reported questions (Unit 25)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Reading part 4</li> <li>• Speaking part 3 and 4</li> </ul>	4 tiết
13. Blue for a boy, pink for a girl	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Informal language</li> <li>• Saying goodbye</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <i>Hardly</i></li> <li>• <i>Before/after+ -ing</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Revision of /ʌ/, /æ/, /o/, /a:/, /au/, /o:/, /e/, /ei/, /i/, /i:/, /u/, /u:/, /ɜ:/, /ai/, /eɜ/</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Tenses and vocabulary from previous units</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Listening part 4</li> <li>• Speaking parts 3 and 4</li> </ul>	4 tiết

<b>Practice strategies for doing PET tests</b>						6 tiết

**Tài liệu học tập và tham khảo:**

**Tài liệu học tập**

1. Louise Hashemi & Barbara Thomas (2010). **Objective PET (2nd Ed)**. CUP.

**Tài liệu tham khảo**

1. Falla, T. & Davis, P., **Solutions – Pre-intermediate**, OUP
2. Foley, M. & Hall, D., (2010), **Total English – Pre-intermediate**, Longman
3. Heyderman, E and May, P. (2010). **Complete Pet**. Cambridge University Press
4. John & Soar, L. **New Headway – pre-intermediate**, OUP
5. Oxenden, C, Koenig, K.L, Seligson, P and Clandfield, L. **New English File – Pre-intermediate**. Cambridge
6. O’Dell, F. **PET – Practise Tests EXTRA**, BCP
7. Rechards, J.C., **New Interchange - Pre-intermediate**, CUP

**Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài thi hết môn (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

**Dạng thức đề thi**

Dựa trên phụ lục IIIb ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 02 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư số 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.



## **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

### **TBNCCKH 504. PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 2 (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Cơ sở, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung sau: Trang bị cho học viên lí luận về phương pháp luận nghiên cứu khoa học xã hội, những phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội cơ bản, cách thức tổ chức quá trình nghiên cứu khoa học xã hội, xử lý số liệu, viết báo cáo khoa học, bảo vệ công trình nghiên cứu khoa học xã hội,....

#### **Mục tiêu học phần**

Về kiến thức: Học phần nhằm trang bị cho học viên những kiến thức về Phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội; cách xác định và triển khai đề tài nghiên cứu lĩnh vực khoa học xã hội, một số kỹ năng cơ bản của việc thiết lập công cụ nghiên cứu, xử lý số liệu, viết báo cáo, bảo vệ đề tài, công trình nghiên cứu khoa học,....

Về kỹ năng: Biết vận dụng lí luận vào thực tiễn nghiên cứu, biết viết luận văn tốt nghiệp cao học, biết triển khai các đề tài nghiên cứu sau khi tốt nghiệp.

Về thái độ: Học tập nghiêm túc, có ý thức liên hệ lí luận với thực tiễn.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Nghiên cứu xã hội: đặc điểm và loại hình**

- 1.1. Khoa học
- 1.2. Nghiên cứu khoa học
- 1.3. Đề tài nghiên cứu khoa học
- 1.4. Các loại hình nghiên cứu khoa học

### **Chương 2. Các bước đi trong nghiên cứu xã hội**

- 2.1. Giai đoạn chuẩn bị
- 2.2. Giai đoạn thực hiện
- 2.3. Giai đoạn hoàn thành đề tài nghiên cứu

### **Chương 3. Chọn mẫu**

- 3.1. Mẫu nghiên cứu là gì?
- 3.2. Tầm quan trọng của việc xác định mẫu nghiên cứu
- 3.3. Các loại mẫu nghiên cứu
- 3.4. Dung lượng mẫu
- 3.5. Các cách chọn mẫu cơ bản

### **Chương 4. Kỹ thuật xây dựng bản câu hỏi**

- 4.1. Khái niệm về bảng hỏi
- 4.2. Các loại bảng hỏi
- 4.3. Kỹ thuật xây dựng bảng hỏi

### **Chương 5. Kỹ thuật phỏng vấn**

- 5.1. Khái niệm về phỏng vấn
- 5.2. Phân loại phỏng vấn
- 5.3. Kỹ thuật phỏng vấn
- 5.4. Các yêu cầu cơ bản khi phỏng vấn

### **Chương 6. Phương pháp quan sát**

- 6.1. Khái niệm phương pháp quan sát
- 6.2. Phân loại quan sát
- 6.3. Kỹ thuật sử dụng phương pháp quan sát
- 6.4. Các yêu cầu cơ bản khi sử dụng phương pháp quan sát

### **Chương 7. Nghiên cứu tư liệu & phân tích nội dung**

- 7.1. Khái niệm
- 7.2. Các yêu cầu cơ bản khi nghiên cứu tư liệu & phân tích nội dung

### **Chương 8. Phương pháp thử nghiệm**

- 8.1. Khái niệm
- 8.2. Kỹ thuật sử dụng phương pháp thử nghiệm
- 8.3. Các yêu cầu cơ bản khi sử dụng phương pháp thử nghiệm

### **Chương 9. Xử lý, phân tích các dữ kiện thu thập & trình bày một báo cáo nghiên cứu**

- 9.1. Xử lý định tính và định lượng số liệu

9.2. Phân tích kết quả thu được

9.3. Trình bày kết quả nghiên cứu

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Dương Thiệu Tông (2002), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, Nxb ĐHQGHCM, Tp Hồ Chí Minh.
2. Vũ Cao Đàm (2003), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* (XB lần thứ 9), Nxb KHKT, Hà Nội.
3. Trung Nguyên (2005), *Phương pháp luận nghiên cứu (Cẩm nang hướng dẫn từng bước dành cho người mới bắt đầu)*, Nxb Lao động – Xã hội, Hà Nội.
4. Phạm Việt Vượng (2004), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb ĐHSPHN, Hà Nội.
5. Lưu Xuân Mới (2004), *Phương pháp luận Khoa học*, NxbGD, Hà Nội.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài thi hết học phần (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1x 0,3 + D2 x 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết

## PHẦN II. KHỞI KIẾN THỨC CƠ BẢN VÀ CHUYÊN NGÀNH

\*\*\*\*\*

### I. CÁC HỌC PHẦN BẮT BUỘC

---

#### ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

#### THCSTH 505. CƠ SỞ TOÁN HỌC CỦA MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC 3 (2, 1)

---

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Khoa học tự nhiên – Công nghệ, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Điểm lại các kiến thức cơ bản nhất của toán học hiện đại như: các khái niệm về Tập hợp; Ánh xạ; Phép toán; Các hình hình học; Đơn vị đo lường hình học; các Cấu trúc đại số; Tổ hợp, Xác suất, Thống kê.

Điểm lại các tính chất đặc trưng nhất của các khái niệm trên.

Trình bày lịch sử của các vấn đề liên quan.

Xây dựng cơ sở các câu hỏi các kiến thức toán học hiện đại với chương trình toán ở tiểu học.

Định hướng cho việc sử dụng và xây dựng các phương pháp giảng dạy phù hợp cho môn toán ở tiểu học.

#### **Mục tiêu của học phần**

Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản, nền tảng nhất của Toán học hiện đại là cơ sở đối với chương trình toán ở tiểu học như: Tập hợp; Ánh xạ; Phép toán; Các quan hệ; Các cấu trúc Đại số; Các hình hình học; Đơn vị đo lường cơ bản trong hình học; Các bài toán Tổ hợp, Xác suất; Thống kê.

Trên cơ sở các kiến thức toán học hiện đại, giúp cho học viên xây dựng câu hỏi từ toán học hiện đại tới môn toán ở tiểu học. Từ đó giúp học viên hiểu sâu sắc hơn về cấu trúc chương trình cũng như nội dung của môn toán ở tiểu học, để sử dụng và xây dựng các phương pháp giảng dạy phù hợp.

Làm cơ sở, tạo tiền đề vững chắc cho học viên học tốt các môn học sau trong chương trình và học các trình độ cao hơn.

### **Nội dung chi tiết học phần**

## **Chương 1. Tập hợp; Ánh xạ; Quan hệ**

### 1. Tập hợp

- 1.1. Tập hợp và các phép toán tập hợp
- 1.2. Tính chất đặc trưng của các phép toán
- 1.3. Vấn đề tập hợp trong môn toán ở tiểu học

### 2. Xây dựng lý thuyết tập hợp theo phương pháp tiên đề

### 3. Ánh xạ

- 3.1. Ánh xạ và các đặc trưng của ánh xạ
- 3.2. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh
- 3.3. Vấn đề ánh xạ trong môn toán ở tiểu học

### 4. Quan hệ; Phép toán

- 4.1. Khái niệm quan hệ hai ngôi
- 4.2. Quan hệ tương đương; Quan hệ thứ tự; Quan hệ thứ tự toàn phần
- 4.3. Phép toán
- 4.4. Vấn đề Quan hệ, phép toán trong môn toán ở tiểu học

## **Chương 2: Cấu trúc**

### 1. Nhóm

- 1.1. Khái niệm Nhóm và ví dụ
- 1.2. Các đặc trưng của Nhóm

### 2. Vòng

- 2.1. Khái niệm Vòng và ví dụ
- 2.2. Các đặc trưng của Vòng

### 3. Trường

- 3.1. Khái niệm Trường và ví dụ
- 3.2. Các đặc trưng của Trường

### 4. Vấn đề cấu trúc trong môn toán ở tiểu học

## **Chương 3: Hình học và đo lường trong hình học**

### 1. Hình học

#### 1.1. Lịch sử hình học

1.1.1. Hình học trước thời Euclid

1.1.2. Hình học từ thời Euclid đến thời Hilbert

1.1.3. Hình học sau thời kì của Hilbert

#### 1.2. Xây dựng hình học bằng phương pháp tiên đề

1.2.1. Hệ tiên đề và các điều kiện của hệ tiên đề

1.2.2. Một số hệ tiên đề

1.2.2.1. Hệ tiên đề Hilbert

1.2.2.2. Hệ tiên đề của hình học phổ thông

1.2.2.3. Một số hệ tiên đề khác

#### 1.3. Các hình hình học

1.3.1. Khái niệm các hình hình học

1.3.2. Tính chất đặc trưng của các hình hình học

1.3.3. Công thức độ dài, diện tích của các hình hình học

#### 1.4. Vấn đề hình học trong môn toán ở tiểu học

### 2. Đo lường

#### 2.1. Lịch sử đo lường

2.1.1. Các đơn vị đo lường

2.1.2. Lịch sử hình thành các đơn vị đo lường

#### 2.2. Độ dài

2.2.1. Xây dựng khái niệm độ dài

2.2.2. Các tính chất của độ dài

#### 2.3. Diện tích

2.3.1. Xây dựng khái niệm diện tích

2.3.2. Các tính chất của diện tích

#### 2.4. Vấn đề đo lường trong môn toán ở tiểu học

## **Chương 4: Tổ hợp - Xác suất - Thống kê**

### 1. Tổ hợp

- 1.1. Lịch sử các bài toán tổ hợp
- 1.2. Hoán vị; Chỉnh hợp; Tổ hợp
- 1.3. Các bài toán đếm cơ bản
- 2. Xác suất; Thống kê
  - 2.1. Lịch sử các bài toán xác suất, bài toán thống kê
  - 2.2. Xác suất
    - 2.2.1. Khái niệm xác suất cổ điển
    - 2.2.2. Một vài đặc trưng của xác suất cổ điển
  - 2.3. Thống kê
    - 2.3.1. Một số khái niệm
    - 2.3.2. Một số đặc trưng của thống kê
- 3. Vấn đề Tổ hợp, Xác suất, Thống kê trong môn toán ở tiểu học.

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Nguyễn Cảnh Toàn (1969), *Hình học sơ cấp*, NXB GD.
2. Nguyễn Mộng Hy (1998), *Xây dựng hình học bằng phương pháp tiên đề*, NXB GD.
3. B. I. Acgunop, M. B. Ban (1977), *Hình học sơ cấp Tập 1*, NXB GD.
4. B. I. Acgunop, M. B. Ban (1977), *Hình học sơ cấp Tập 2*, NXB GD.
5. Phan Hữu Chân, Nguyễn Tiên Tài (1998), *Tập hợp và logic, số học*, NXB GD.
6. Phạm Văn Kiều (1996), *Lý thuyết xác suất và thống kê toán học*, NXB ĐHQG.
7. Bộ sách giáo khoa môn toán của tiểu học theo chương trình hiện hành.
8. Dương Quốc Việt (2008), *Một số cấu trúc cơ bản của đại số hiện đại*, NXB ĐHSP.
9. Dương Quốc Việt (2013), *Những tư tưởng cơ bản ẩn chứa trong toán phổ thông*, NXB GD.
10. Đặng Quang Việt (2005), *Đại số đại cương*, NXB GD.

#### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1x 0,3 + D2 x 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết



## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### THCSSH 506. HỆ THỐNG SỐ VÀ CƠ SỞ SỐ HỌC Ở TIỂU HỌC 3 (2, 1)

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Khoa học tự nhiên – Công nghệ,  
Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần này học sau học phần Cơ sở toán học của môn toán ở tiểu học. Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và phương pháp cơ bản xây dựng các tập số.

#### **Mục tiêu của học phần**

Trang bị cho học viên những kiến thức và phương pháp cơ bản xây dựng các tập số: Tập số tự nhiên, biểu diễn số tự nhiên, tập số nguyên, tập số hữu tỷ, số thực và tập số phức, thể quaternion cùng việc điếm lại lịch sử các vấn đề về hệ thống số.

Từ cách nhìn tổng thể việc xây dựng hệ thống số, học viên hiểu sâu sắc hơn chương trình cũng như nội dung của môn toán ở tiểu học. Có thể nói “Hệ thống số” là cơ sở của mọi lý thuyết toán học, do đó môn học này còn nhằm tạo tiền đề vững chắc cho học viên học tốt các môn học khác trong chương trình sau đại học cũng như trong chương trình nghiên cứu cao hơn.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1: Xây dựng tập số tự nhiên theo quan điểm tập hợp**

1. Tập hợp hữu hạn và tập hợp đếm được.
2. Xây dựng tập hợp số tự nhiên

- 2.1. Khái niệm bản số và số tự nhiên.
- 2.2. So sánh các bản số, quan hệ thứ tự trên tập số tự nhiên
- 2.3. Số tự nhiên liền sau.
- 2.4. Lực lượng của tập số tự nhiên.
- 3. Nguyên lý quy nạp và tính sắp thứ tự tốt.
  - 3.1. Nguyên lý quy nạp và phép chứng minh quy nạp.
  - 3.2. Tính sắp thứ tự tốt.
- 4. Các phép toán về số tự nhiên
- 5. Biểu diễn các số tự nhiên
  - 5.1 Một số vấn đề về lịch sử số tự nhiên và cách ghi số tự nhiên
  - 5.2. Biểu diễn g-phân
  - 5.3. Biểu diễn Cantor
- 6. Xây dựng tập số tự nhiên ở tiểu học.

## **Chương 2: Xây dựng tập số tự nhiên theo bằng phương pháp tiên đề**

- 1. Phương pháp tiên đề
- 2. Hệ tiên đề Peano cho tập số tự nhiên.
- 3. Các phép toán trong tập số tự nhiên
- 4. Quan hệ thứ tự trên tập số tự nhiên

## **Chương 3: Quan hệ chia hết, số nguyên tố và định lý cơ bản của số học**

- 1. Phép chia có dư. Phép chia hết
- 2. Số nguyên tố, tập các số nguyên tố
- 3. Định lý cơ bản của số học.
- 4. Ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất, thuật toán Euclide
- 5. Đồng dư và dấu hiệu chia hết.

## **Chương 4: Mở rộng các tập số**

- 1. Tiến trình xây dựng các tập số ở phổ thông
- 2. Mở rộng tập số tự nhiên bằng đối xứng hóa.
  - 2.1. Tập số hữu tỷ dương.
    - 2.1.1. Xây dựng tập số hữu tỷ dương

- 2.1.2. Phép toán trên tập số hữu tỷ dương.
- 2.1.3. Thứ tự trên tập số hữu tỷ dương
- 2.2. Tập số nguyên.
  - 2.2.1. Xây dựng vành các số nguyên  $\mathbb{Z}$
  - 2.2.2. Quan hệ thứ tự trên  $\mathbb{Z}$

### 3. Trường các số hữu tỷ $\mathbb{Q}$

- 3.1. Xây dựng trường các số hữu tỷ  $\mathbb{Q}$
- 3.2. Quan hệ thứ tự trên  $\mathbb{Q}$

### 4. Trường số thực $\mathbb{R}$

- 4.1. Dãy cơ bản trong  $\mathbb{Q}$
- 4.2. Xây dựng trường số thực  $\mathbb{R}$
- 4.3. Quan hệ thứ tự trên  $\mathbb{R}$

### 5. Trường số phức

- 5.1. Xây dựng trường số phức  $\mathbb{C}$
- 5.2. Tính đóng đại số của trường  $\mathbb{C}$ .

### 6. Thể các quaternion.

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Dương Quốc Việt (2008), *Cơ sở lý thuyết số và đa thức*, NXB ĐHSP
2. Lại Đức Thịnh (1977), *Giáo trình số học*, NXB GD
3. Ngô Thúc Lanh, (1986) *Đại số và số học (tập 1)*, NXB GD
4. Nguyễn Tiến Tài – Nguyễn Hữu Hoan (1998), *Số học*, NXB GD
5. Phan Đình Diệu (2006), *Lôgich toán và cơ sở toán học*, NXB ĐHQG HN.
6. Hà Sĩ Hồ (1985), *Những cơ sở của số học trong trường phổ thông*, Cục các trường sư phạm.
7. Dương Quốc Việt (2013), *Những tư tưởng cơ bản ẩn chứa trong toán học phổ thông*, NXB GD.
8. Nguyễn Tự Cường, (2007), *Giáo trình Đại số hiện đại*, NXB ĐHQGHN

#### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn

học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1x 0,3 + D2 x 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**THCSNN 507. CƠ SỞ NGÔN NGỮ HỌC CỦA VIỆC TỔ CHỨC DẠY HỌC**  
**TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 3 (2, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

**Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức sau:

- Sự cần thiết phải xây dựng cơ sở ngôn ngữ học cho việc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

- Cơ sở ngôn ngữ học của các vấn đề chung trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

**Mục tiêu của học phần**

- Học viên nắm được những kiến thức về cơ sở ngôn ngữ của việc dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học

- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức cơ bản để nâng cao năng lực sư phạm.

**Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Sự cần thiết phải xây dựng cơ sở ngôn ngữ học cho việc dạy học tiếng việt ở tiểu học**

1.1. Mọi ngành khoa học đều cần có cơ sở lí thuyết

1.2. Tính tất yếu của việc lựa chọn cơ sở lí thuyết ngôn ngữ học

1.2.1. Cơ sở của việc lựa chọn các lí thuyết khoa học

1.2.1.1. Xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ của chuyên ngành

1.2.1.2. Căn cứ vào đối tượng nghiên cứu của chuyên ngành

1.2.2. Ngôn ngữ học là một trong những cơ sở lí thuyết trọng yếu của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

**Chương 2. Cơ sở ngôn ngữ học của những vấn đề chung**

- 2.1. Ngôn ngữ học và việc xây dựng các nguyên tắc dạy học Tiếng Việt
  - 2.1.1. Nguyên tắc giao tiếp
  - 2.1.2. Nguyên tắc phát triển năng lực ngôn ngữ đi đôi với năng lực tư duy
  - 2.1.3. Nguyên tắc tích cực hoá năng lực của người học trong quá trình dạy học Tiếng Việt
- 2.2. Cơ sở ngôn ngữ học của một số phương pháp và thủ pháp dạy học Tiếng Việt
  - 2.2.1. Phương pháp phân tích ngôn ngữ
    - 2.2.1.1. Phương pháp rèn luyện theo mẫu
    - 2.2.1.2. Phương pháp giao tiếp
    - 2.2.1.3. Thủ pháp so sánh và đối chiếu
  - 2.2.2. Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học học luyện từ và câu ở tiểu học
    - 2.2.2.1. Dạy cấu tạo từ
    - 2.2.2.2. Dạy phần luyện câu
    - 2.2.2.3. Nâng cao năng lực sử dụng từ và câu
  - 2.2.3. Cơ sở ngôn ngữ học của việc tổ chức dạy học hội thoại ở TH
    - 2.2.3.1. Tìm hiểu nội dung dạy hội thoại
    - 2.2.3.2. Vận dụng quá trình hội thoại vào dạy học hội thoại ở tiểu học
    - 2.2.3.3. Tình huống giao tiếp và kiểu bài dạy hội thoại
  - 2.2.4. Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học vần và viết
    - 2.2.4.1. Hệ thống bài dạy học vần
    - 2.2.4.2. Trật tự hệ thống vần
    - 2.2.4.3. Xử lí những bất hợp lí của chữ quốc ngữ
    - 2.2.4.4. Lựa chọn đơn vị dạy học vần
  - 2.2.5. Cơ sở ngôn ngữ học của dạy tập đọc
    - 2.2.5.1. Văn xuôi
    - 2.2.5.2. Thơ trữ tình

### 2.2.5.3. Chính luận

### 2.2.6. Cơ sở ngôn ngữ học của dạy học tiếng Việt

#### 2.2.6.1. Cách phân chia ngôn ngữ theo nguồn gốc

#### 2.2.6.2. Cách phân chia ngôn ngữ theo loại hình

### 2.3. Ứng dụng dạy học Tiếng Việt

#### 2.3.1. Dạy câu theo chức năng

#### 2.3.2. Lựa chọn đơn vị dạy tiếng

### 2.4. Ngữ âm học và ứng dụng dạy Tiếng Việt

#### 2.4.1. Phân loại âm tiết

#### 2.4.2. Hệ thống âm vị

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Lê A - Lê Phương Nga - Nguyễn Trí (1994), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
2. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt, tập II*, NXB Giáo dục.
3. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở ngữ dụng học*, Tập I. NXB ĐHSP.
4. Nguyễn Đức Dân (1987), *Logic - Ngữ nghĩa - Cú pháp*, NXB ĐH&THCN.
5. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập 1, NXB Giáo dục.
6. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, NXB ĐHQG.
7. Cao Xuân Hạo (2006), *Tiếng Việt - Sơ thảo ngữ pháp chức năng*, NXB KHXH, Hà Nội.
8. Cao Xuân Hạo (chủ biên) (1998), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt*, quyển I, NXB Giáo dục.
9. Đỗ Kim Liên (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
10. Hoàng Trọng Phiến (1980), *Ngữ pháp tiếng Việt, Câu*, NXB ĐH&THCN.
11. Nguyễn Hữu Quỳnh (2001), *Ngữ pháp tiếng Việt*, NXB Tự điển bách khoa.
12. Lê Xuân Thại (1994), *Câu Chủ vị tiếng Việt*, NXB KHXH.
13. Trần Ngọc Thêm, *Loại hình các ngôn ngữ*, NXB ĐHQG Hà Nội

14. Đoàn Thiện Thuật (2000), *Ngữ âm học Tiếng Việt*, NXB ĐHQG.

15. Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tĩnh, *Giáo trình Tiếng Việt 2*, NXB ĐHSP

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1x 0,3 + D2 x 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.



## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### THDHTC 508. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC Ở TIỂU HỌC 3 (2, 1)

-----  
**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Cơ sở; Khoa Tiểu học – Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả dung học phần**

Học phần bao gồm các nội dung về: Các phương pháp dạy học ở tiểu học và các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học các môn ở tiểu học

#### **Mục tiêu của học phần**

##### *\* Về kiến thức*

Học viên nắm được những kiến thức cơ bản các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học ở tiểu học.

##### *\* Về kỹ năng*

Học viên biết cách vận dụng một số phương pháp dạy học tích cực trong giảng dạy các môn ở tiểu học.

##### *\* Về phẩm chất*

Bồi dưỡng lòng yêu nghề, có trách nhiệm trong rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức đổi mới phương pháp dạy học.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Khái quát chung về phương pháp dạy học ở tiểu học**

#### 1.1. Khái niệm chung về phương pháp dạy học

##### 1.1.1. Khái niệm phương pháp dạy học

##### 1.1.2. Một số đặc điểm riêng của phương pháp dạy học tiểu học

#### 1.2. Phân loại các phương pháp dạy học tiểu học

##### 1.2.1. Phân loại theo nguồn tri thức và đặc điểm tri giác thông tin

##### 1.2.2. Phân loại theo các nhiệm vụ cơ bản của lí luận dạy học

- 1.2.3. Phân loại theo đặc điểm hoạt động nhận thức của học sinh
- 1.2.4. Phân loại theo hoạt động dạy học.
- 1.2.5. Phân loại theo hướng tăng cường khả năng độc lập sáng tạo của học sinh tiểu học
- 1.2.6. Phân loại theo hướng tìm kiếm mối liên hệ nội tại giữa các hệ thống phương pháp dạy học
  - 1.2.6.1. Các phương pháp tổ chức và thực hiện hoạt động học tập nhận thức
  - 1.2.6.2. Các phương pháp kích thích và xây dựng động cơ học tập
  - 1.2.6.3. Các phương pháp kiểm tra
- 1.3. Hệ thống các phương pháp hoạt động tiểu học
  - 1.3.1. Các nhóm phương pháp dạy học dùng lời và chữ
    - 1.3.1.1. Các phương pháp dạy học thuyết trình
    - 1.3.1.2. Các phương pháp vấn đáp
    - 1.3.1.3. Phương pháp dùng sách giáo khoa và tài liệu khác
  - 1.3.2. Nhóm các phương pháp dạy học trực quan
    - 1.3.2.1. Phương pháp quan sát
    - 1.3.2.2. Phương pháp trình bày trực quan
  - 1.3.3. Nhóm các phương pháp dạy học thực hành
    - 1.3.3.1. Phương pháp làm thí nghiệm
    - 1.3.3.2. Phương pháp luyện tập
    - 1.3.3.3. Phương pháp ôn tập

## **Chương 2. Các phương pháp dạy học tích cực ở tiểu học**

- 2.1. Khái niệm về phương pháp dạy học tích cực
- 2.2. Phương pháp dạy học nêu vấn đề
  - 2.2.1. Sự ra đời của phương pháp dạy học nêu vấn đề
  - 2.2.2. Khái niệm về phương pháp dạy học nêu vấn đề
  - 2.2.3. Sơ đồ và bản chất của dạy học nêu vấn đề
- 2.3. Phương pháp dạy học chương trình hoá
  - 2.3.1. Khái niệm

- 2.3.2. Đặc điểm của phương pháp dạy học chương trình hoá
- 2.3.3. Bản chất của phương pháp dạy học chương trình hoá
- 2.3.4. Quy trình dạy học chương trình hoá
- 2.4. Phương pháp dạy học phân hoá
  - 2.4.1. Khái niệm
  - 2.4.2. Đặc điểm của phương pháp dạy học chương trình hoá
  - 2.4.3. Bản chất của phương pháp dạy học chương trình hoá
  - 2.4.4. Quy trình dạy học chương trình hoá
  - 2.4.5. Phương pháp phối hợp các phương pháp trong dạy học phân hoá
- 2.5. Phát triển và sử dụng công nghệ dạy học
  - 2.5.1. Tính tất yếu của sự phát triển và sử dụng công nghệ dạy học
  - 2.5.2. Cơ sở khoa học
  - 2.5.3. Công nghệ dạy học
    - 2.5.3.1. Khái niệm về công nghệ dạy học
    - 2.5.3.2. Bản chất của công nghệ dạy học
    - 2.5.3.3. Ý nghĩa, nhiệm vụ của công nghệ dạy học
    - 2.5.3.4. Mẫu thiết kế bài học theo công nghệ dạy học
- 2.6. Kiểm tra đánh giá tri thức học sinh với tư cách là phương pháp dạy học
  - 2.6.1. Ý nghĩa và tầm quan trọng của việc kiểm tra, đánh giá tri thức học sinh
  - 2.6.2. Các dạng kiểm tra cơ bản
  - 2.6.3. Các phương pháp kiểm tra
  - 2.6.4. Vấn đề đánh giá tri thức của học sinh
  - 2.6.5. Nguyên tắc đánh giá tri thức học sinh
    - 2.6.5.1. Tính khách quan
    - 2.6.5.2. Tính phân hoá
    - 2.6.5.3. Tính rõ ràng

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Vũ Quốc Chung (2003), *Phương pháp dạy học tích cực*, NXB Giáo dục.

2. Phó Đức Hoà (1994), *Giáo dục học tiểu học*, NXB ĐHSP.
3. Nguyễn Kỳ (1995), *Phương pháp giáo dục tích cực*, NXB Giáo dục.
4. *Những thủ thuật trong dạy học*, Dự án Việt - Bỉ, 2001.
5. Trần Bá Hoàng, Phó Đức Hoà, Lê Tràng Định (2003), *Áp dụng dạy và học tích cực trong môn Tâm lí - Giáo dục học*, Dự án Việt - Bỉ, NXB ĐHSP.
6. Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hoà (sử chữa và bổ sung) (2008), *Giáo dục học tiểu học 1*, NXB ĐHSP.
7. *Phương pháp dạy học tích cực*, Tài liệu tập huấn sau đại học, Đại học Calgary, Canada, 2007.
8. Phó Đức Hoà, Ngô Quang Sơn (2008), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tích cực*, NXB Giáo dục.
9. Robert Ennis (1987), *Critical Thinking Abilities*, Canada.
10. Carol Blades (2002), *Thoughts on children and learning*, University of Calgary, Canada.
11. Iu. C. Babanxki (1986), *Giáo dục học* (Lê Khánh Trường dịch), NXB ĐHSP TP. HCM.
12. Focus on Inquiry models in teaching volume - temperature relationship of gases (charles law), SEAMEO REGIONAL CENTRE FOR EDUCATION, PENANG, MALAYSIA, 2006.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1 \times 0,3 + D2 \times 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

## **THKNGT 509. PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG GIẢI TOÁN Ở TIỂU HỌC 3 (2, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Khoa học tự nhiên – Công nghệ, Trường Đại học Tây Bắc

### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức sau:

- Đại cương về giải toán ở tiểu học
- Các dạng toán tiểu học và phương pháp giải các dạng toán.

### **Mục tiêu của học phần**

- \* Kiến thức: Học viên nắm được những phương pháp giải toán ở tiểu học
- \* Kỹ năng: Có khả năng phân dạng toán ở tiểu học và kĩ năng giải các dạng toán
- \* Thái độ: ứng dụng các phương pháp đã học vào dạy học toán tiểu học, Có ý thức tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức cơ bản để nâng cao năng lực sư phạm.

### **Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1. Đại cương về giải toán tiểu học**

1.1. Vị trí, vai trò của hoạt động giải toán trong dạy học toán tiểu học

1.1.1. Vị trí

1.1.2. Vai trò

1.2. Phân dạng các bài toán tiểu học

1.2.1. Các bài toán đơn với một phép tính cộng

1.2.2. Các bài toán đơn với một phép tính trừ

1.2.3. Các bài toán đơn với một phép tính nhân

1.2.4. Các bài toán đơn với một phép tính chia

#### **Chương 2. Các phương pháp giải toán tiểu học**

2.1. Phương pháp sơ đồ đoạn thẳng

- 2.1.1. Khái niệm
- 2.1.2. Ứng dụng phương pháp sơ đồ đoạn thẳng để giải bài toán đơn
- 2.1.3. Ứng dụng phương pháp sơ đồ đoạn thẳng để giải bài toán hợp
- 2.1.4. Ứng dụng sơ đồ đoạn thẳng để giải bài toán nâng cao
- 2.2. Ứng dụng phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỷ số để giải Toán
  - 2.2.1. Khái niệm
  - 2.2.2. Ứng dụng phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỷ số để giải các bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận
  - 2.2.3. Ứng dụng phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỷ số để giải các bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch
  - 2.2.4. Ứng dụng phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỷ số để giải các bài toán về đại lượng tỉ lệ kép
- 2.3. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ (PPCTL) để giải toán
  - 2.3.1. Khái niệm
  - 2.3.2. Ứng dụng PPCTL để giải các bài toán về tìm hai số khi biết tổng và tỷ số của chúng
  - 2.3.3. Ứng dụng PPCTL để giải toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỷ số của chúng
  - 2.3.4. Ứng dụng PPCTL để giải toán về cấu tạo số
  - 2.3.5. Ứng dụng PPCTL để giải toán có văn điển hình về phân số
  - 2.3.6. Ứng dụng PPCTL để giải toán có nội dung hình học
  - 2.3.7. Ứng dụng PPCTL để giải toán về chuyển động đều
  - 2.3.8. Ứng dụng PPCTL để giải toán về tìm ba số khi biết tổng và tỷ số hoặc hiệu và tỷ số của chúng
  - 2.3.9. Ứng dụng PPCTL để giải toán vui và toán cô ở tiểu học
- 2.4. Ứng dụng phương pháp thử chọn (PPTC) để giải toán
  - 2.4.1. Khái niệm về phương pháp thử chọn

- 2.4.2. Ứng dụng PPTC để giải toán số học
- 2.4.3. Ứng dụng PPTC để giải toán có lời văn
- 2.4.4. Ứng dụng PPTC để giải toán có nội dung hình học
- 2.4.5. Ứng dụng PPTC để giải toán về suy luận
- 2.5. Ứng dụng phương pháp khử để giải toán
  - 2.5.1. Khái niệm
  - 2.5.2. Ứng dụng phương pháp khử để giải toán
- 2.6. Ứng dụng phương pháp giả thiết tạm để giải toán
  - 2.6.1. Khái niệm về phương pháp giả thiết tạm
  - 2.6.2. Ứng dụng phương pháp giả thiết tạm để giải toán
- 2.7. Ứng dụng phương pháp tính ngược từ cuối để giải toán
  - 2.7.1. Khái niệm
  - 2.7.2. Ứng dụng phương pháp tính ngược từ cuối để giải toán
- 2.8. Ứng dụng phương pháp thay thế để giải toán
  - 2.8.1. Khái niệm
  - 2.8.2. Ứng dụng phương pháp thay thế để giải toán
- 2.9. Ứng dụng phương pháp diện tích để giải toán
  - 2.9.1. Khái niệm
  - 2.9.2. Ứng dụng phương pháp diện tích để giải toán
- 2.10. Ứng dụng phương pháp đồ thị để giải toán
  - 2.10.1. Khái niệm
  - 2.10.2. Ứng dụng phương pháp đồ thị để giải toán
- 2.11. Ứng dụng phương pháp đại số để giải toán
  - 2.11.1. Khái niệm về phương pháp đại số
  - 2.11.2. Ứng dụng phương pháp đại số để giải toán

**Tài liệu học tập và tham khảo**



1. Trần Diên Hiền (2008), *Phát triển kỹ năng giải toán ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. Trần Diên Hiền (2004), *Thực hành giải toán tiểu học Tập I, II*, NXB ĐHSP.
3. Phạm Đình Thực (2002), *Giảng dạy các yếu tố hình học ở Tiểu học*, NXB Giáo dục.
4. Phạm Đình Thực (2003), *Dạy Toán ở Tiểu học bằng phiếu giao việc*, NXB Giáo dục.
5. Phạm Đình Thực (2004), *Phương pháp sáng tác đề toán ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
6. Đặng Quang Việt (2007), *Rèn tư duy sáng tạo qua xây dựng hệ thống bài tập toán*, NXB Giáo dục.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### THKNGT 510. NHỮNG VẤN ĐỀ VỀ TỪ VÀ CÂU TIẾNG VIỆT 2 (1, 1)

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần này được triển khai trong 4 chương cơ bản. Chương 1 tìm hiểu về đặc điểm của từ, cấu tạo từ, đơn vị cấu tạo từ tiếng Việt, ngữ cố định. Chương 2 tìm hiểu về các thành phần ý nghĩa của từ, sự chuyển nghĩa của từ. Chương 3 tìm hiểu cụ thể về cấu trúc nghĩa và cấu trúc cú pháp của câu tiếng Việt và chương 4 là nghiên cứu về câu trong hoạt động giao tiếp.

#### **Mục tiêu của học phần**

##### **\* Kiến thức**

Trang bị một cách có hệ thống những kiến thức và kỹ năng về từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt, giúp cho học viên hiểu biết tiếng Việt về các mặt từ ngữ, có đủ khả năng phân tích và sử dụng chính xác vốn từ đó.

Giúp học viên nắm vững kiến thức cơ bản về hệ thống ngữ pháp của tiếng Việt ở tất cả các lĩnh vực: từ pháp, cú pháp.

##### **\* Kỹ năng**

Vận dụng vào việc rèn luyện và nâng cao kỹ năng dùng từ, đặt câu sao cho chính xác, thích hợp với nội dung biểu đạt và phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.

Giúp học viên có kiến thức, kỹ năng và phương pháp tốt để giảng dạy, nghiên cứu tiếng Việt ở tiểu học.

##### **\* Thái độ**

Có thái độ tích cực củng cố và nâng cao hiểu biết về từ ngữ và câu tiếng Việt để học tập, giảng dạy và nghiên cứu tiếng Việt.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

## **CHƯƠNG 1. TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT**

- 1.1. Vấn đề từ trong các ngôn ngữ và từ trong tiếng Việt.
- 1.2. Khái niệm, đặc điểm của từ tiếng Việt.
- 1.3. Cấu tạo của từ tiếng Việt
  - 1.3.1. Đặc điểm cấu tạo từ tiếng Việt
  - 1.3.2. Đơn vị và phương thức cấu tạo từ
  - 1.3.3. Các kiểu từ xét về mặt cấu tạo: Từ đơn, từ phức (từ láy và từ ghép)
- 1.4. Ngữ cố định
  - 1.4.1 Khái niệm, đặc điểm của ngữ cố định
  - 1.4.2 Các kiểu ngữ cố định xét về hình thức và ngữ nghĩa
- 1.5. Thực hành: Viết tiểu luận về yếu tố cấu tạo từ tiếng Việt và những vấn đề đang đặt ra.

## **CHƯƠNG 2. NGHĨA TỪ VỰNG CỦA TỪ TIẾNG VIỆT**

- 2.1. Sự phân nghĩa của từ theo chức năng tín hiệu học: Từ miêu tả (từ thực) và từ hư. Nghĩa của các loại từ xét theo chức năng tín hiệu học.
- 2.2. Các thành phần nghĩa trong từ miêu tả: nghĩa biểu vật, biểu niệm, biểu thái.
- 2.3. Nét nghĩa và cấu trúc nghĩa biểu niệm của từ.
- 2.4. Hiện tượng nhiều nghĩa. Tính hệ thống ngữ nghĩa trong nội bộ từ. Vấn đề trường nghĩa.
- 2.5. Quan hệ đồng nghĩa và trái nghĩa trong tiếng Việt.
- 2.6. Đồng âm và gần âm trong tiếng Việt.
- 2.7. Sự chuyển nghĩa của từ.
- 2.8. Thực hành: Xác định nghĩa của từ trong hệ thống ngôn ngữ và trong ngữ cảnh.

## **CHƯƠNG 3. CÂU - CẤU TRÚC NGHĨA VÀ CẤU TRÚC NGỮ PHÁP**

- 3.1. Câu: khái niệm, các đặc trưng cơ bản, các bình diện nghiên cứu câu: Kết học, nghĩa học, dụng học.
- 3.2. Các thành phần nghĩa cơ bản của câu: nghĩa miêu tả và nghĩa tình thái.
- 3.3. Thành phần câu và các thành phần biệt lập.

- 3.4. Câu đơn bình thường, câu đơn đặc biệt và câu rút gọn.
- 3.5. Câu phức và câu ghép.
- 3.6. Thực hành: Xác định thành phần câu và các kiểu câu xét về mặt cấu tạo.

## **CHƯƠNG 4. CÂU TRONG HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP**

### 4.1. Câu và phát ngôn

### 4.2. Hành động ngôn ngữ và các kiểu câu xét theo mục đích nói

#### 4.2.1. Cách dùng trực tiếp

#### 4.2.2. Cách dùng gián tiếp

#### 4.2.3. Các kiểu câu xét theo mục đích nói.

4.2.4. Nghiên cứu kiểu bài Luyện từ và câu trong chương trình, sách giáo khoa tiếng Việt ở tiểu học.

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Diệp Quang Ban - Hoàng Văn Thung (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt tập 1*, NXBGD, HN.
2. Nguyễn Tài Cẩn (1977), *Ngữ pháp tiếng Việt ( Tiếng- Từ ghép- Đoản ngữ)*, NXB ĐH&THCN, HN.
3. Đỗ Hữu Châu (1981), *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*, NXBGD, HN.
4. Đỗ Hữu Châu (chủ biên) – Bùi Minh Toán (1993), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, NXB ĐH và THCN, HN.
5. Vũ Tiên Dũng (chủ biên) - Nguyễn Hoàng Yên (2013), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, NXB ĐHSP.
6. Đinh Văn Đức (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt ( Từ loại)*, NXBGD, HN,
7. Nguyễn Thiện Giáp (1985), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXBĐH&THCN, HN.
8. Hoàng Trọng Phiến (1978), *Ngữ pháp tiếng Việt ( câu)*. NXBĐH&THCN, HN.
9. Nguyễn Văn Tu (1976), *Từ và vốn từ tiếng Việt hiện đại*, NXBĐH&THCN, HN.
10. Bùi Minh Toán và các tác giả (1995), *Tiếng Việt (tập 1, 2& 3)*, NXBGD.
11. Bùi Minh Toán và các tác giả (1995), *Tiếng Việt (tập 2& 3)*, NXBGD.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1x 0,3 + D2 x 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## II. CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN

---

### ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

#### THĐLĐG 511. ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ Ở TIỂU HỌC 2 (1, 1)

---

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Cơ sở; Khoa Tiểu học – Mầm non, trường Đại học Tây Bắc

#### Mô tả học phần

Học phần bao gồm những kiến thức:

- Lí thuyết về đo lường
- Đánh giá trong giáo dục
- Các bài trắc nghiệm tiêu chuẩn hoá

#### Mục tiêu của học phần

\* Kiến thức: Cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về lý thuyết đo lường và đánh giá kết quả trong giáo dục.

\* Kỹ năng: Kỹ năng sử dụng một cách có hiệu quả những bài trắc nghiệm và các công cụ đo lường, cách đánh giá có hiệu quả.

\* Thái độ: Có ý thức thực hiện việc chống tiêu cực trong giáo dục. Có ý thức tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức cơ bản để nâng cao năng lực sư phạm.

#### Nội dung chi tiết học phần

#### Chương 1: Lý thuyết về đo lường

##### 1.1. Những khái niệm định lượng cơ bản

- 1.1.1. Các loại điểm của bài trắc nghiệm
- 1.1.2. Các con số có ý nghĩa gì?
- 1.1.3. Mô tả một sự phân bố các điểm trắc nghiệm
- 1.1.4. Các đại lượng đo trị cố định tâm

- 1.1.5. Các kiểu phân bố điểm trắc nghiệm
- 1.1.6. Các đại lượng đo mức độ phân tán
- 1.1.7. Độ lệch tiêu chuẩn – cơ sở của các điểm tiêu chuẩn
- 1.1.8. Thứ hạng bách phân
- 1.1.9. Các điểm số dựa trên cơ sở các trung vị
- 1.1.10. Đánh giá các hệ thống chấm điểm tiêu theo chuẩn
- 1.1.11. Cách giải thích các điểm trắc nghiệm
- 1.2. Dự báo thành tích học tập trong tương lai
  - 1.2.1. Sử dụng quá khứ để dự báo tương lai
  - 1.2.2. Cách tính phương trình của đường hồi quy
  - 1.2.3. Ý nghĩa của sự tương quan
  - 1.2.4. Mức độ chính xác của dự báo
  - 1.2.5. Làm thế nào để đánh giá cường độ của hệ số tương quan
  - 1.2.6. Sự thoả mãn chung của hệ số tương quan
  - 1.2.7. Sự cảm phẫn đối với các bài trắc nghiệm
- 1.3. Độ giá trị và độ tin cậy của các bài trắc nghiệm
  - 1.3.1. Độ giá trị
  - 1.3.2. Độ tin cậy
  - 1.3.3. Sai số đo lường chuẩn
  - 1.3.4. Mối quan hệ giữa độ giá trị và độ tin cậy
  - 1.3.5. Đánh giá một bài trắc nghiệm

## **Chương 2. Đánh giá trong giáo dục**

- 2.1. Đánh giá và sự phân loại các mục tiêu giáo dục
  - 2.1.1. Những vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục
  - 2.1.2. Đánh giá và sự phân loại các mục tiêu giáo dục
  - 2.1.3. Một số hình thức đánh giá trong giáo dục

## 2.2. Đánh giá kết quả học tập, chức năng, nguyên tắc đánh giá kết quả học tập 2.2.1.

### Những khái niệm cơ bản về đánh giá kết quả học tập

2.2.2. Chức năng đánh giá kết quả học tập

2.2.3. Nguyên tắc đánh giá kết quả học tập

## 2.3. Nội dung đánh giá kết quả học tập

2.3.1. Đánh giá kiến thức

2.3.2. Đánh giá kỹ năng

2.3.3. Đánh giá thái độ, hạnh kiểm

## 2.4. Kỹ thuật đánh giá kết quả học tập

2.4.1. Kỹ thuật quan sát

2.4.2. Kiểm tra miệng

2.4.3. Bài tự luận

2.4.4. Kỹ thuật xây dựng trắc nghiệm

2.4.5. Bài thực hành

2.4.6. Học sinh tự đánh giá

2.4.7. Tổng hợp thông tin, ghi sổ liên lạc và học bạ

## **Chương 3: Các bài trắc nghiệm tiêu chuẩn hoá**

### 3.1. Trắc nghiệm về năng lực và về thành quả học tập

3.1.1. Bản chất chung của bài trắc nghiệm tiêu chuẩn hoá

3.1.2. Các bài trắc nghiệm về năng lực chung với tư cách là các phép đo về trí thông minh

3.1.3. Trắc nghiệm về năng lực trí tuệ

3.1.4. Trắc nghiệm nhóm về các năng lực chung và năng lực riêng

3.1.5. Các trắc nghiệm về năng lực đặc biệt

3.1.6. Các loại trắc nghiệm về thành quả học tập

3.1.7. Những hành vi được đo bằng các bài trắc nghiệm thành quả học tập

3.1.8. Trắc nghiệm thành quả học tập của các lớp tiểu học



- 3.1.9. Các bảng chuẩn
- 3.1.10. Tầm quan trọng của trắc nghiệm thành quả học tập
- 3.2. Lịch sử và các khuynh hướng hiện nay về trắc nghiệm
  - 3.2.1. Những triển khai ban đầu về trắc nghiệm
  - 3.2.2. Sự phát triển của trắc nghiệm nhóm
  - 3.2.3. Sự phát triển gần đây về trắc nghiệm
  - 3.2.4. Nhà xuất bản trắc nghiệm và các dịch vụ của nó
  - 3.2.5. Sử dụng trắc nghiệm trong việc học tập theo chương trình hoá
  - 3.2.6. Cải tiến việc thực hiện trắc nghiệm
  - 3.2.7. Trắc nghiệm trong một xã hội đua tranh
- 3.3. Chương trình trắc nghiệm trong trường học
  - 3.3.1. Mục đích của các chương trình trắc nghiệm
  - 3.3.2. Sử dụng các dữ liệu của trắc nghiệm
  - 3.3.3. Cách tuyển chọn các bài trắc nghiệm
  - 3.3.4. Những nguyên tắc chỉ đạo để đánh giá bài trắc nghiệm
  - 3.3.5. Một số vấn đề trong việc giải thích các điểm số của bài trắc nghiệm
  - 3.3.6. Thông báo các điểm trắc nghiệm cho học sinh và phụ huynh
  - 3.3.7. Huấn luyện giáo viên để sử dụng các bài trắc nghiệm tốt hơn

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2002), *Chương trình tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (1999), *Tài liệu tập huấn về đổi mới đánh giá ở tiểu học*, TP. Hồ Chí Minh.
3. Dương Thiệu Tống (1995), *Trắc nghiệm đo lường thành quả học tập* (Phương pháp thực hành), Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Đặng Huỳnh Mai (2003), *Một số vấn đề cơ bản cần quan tâm khi triển khai đổi mới giáo dục bậc tiểu học*, Tạp chí Giáo dục, số 54 tháng 3.2003.
5. Đỗ Đình Hoan (2002), *Một số vấn đề cơ bản của chương trình tiểu học mới*,

NXB Giáo dục.

6. F. Flarley Thuý Nguyễn - Hoàng Quốc Bảo (2002), *Kiểm tra và đánh giá trong lớp tiểu học Việt Nam*. dự án giáo dục cơ bản và đào tạo giáo viên tại Bình Thuận của tổ chức Save the Children - Australia.

7. Nguyễn Thị Hạnh (2003), *Một số vấn đề đổi mới đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

8. Nguyễn Trí (2003), *Dạy và học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo chương trình mới*, NXB Giáo dục.

9. Quentin Stodola, *Basic education tests and measurement*, Vụ đại học

10. Cardinet, J. (1999), *Nhận xét của giáo viên về đánh giá học sinh* (bản dịch), Hà Nội.

11. David & Wendy Clemson (1995), *The Really Paractical guide to Primary Assessment*, Stanley Thornes Ltd.

12. Driscoll, M. & Bryant, D. (1998), *Learning about Assessment, Learning through Assessment*. National Academy Press. Washington, D.C.

13. Haladyna, T.M. (1997), *Writing Test Items to Evaluate Higher Order Thinking*, Allyn and Bacon.

14. Hopkins, K.D. et al (1990), *Educational and Psychological Measurement and Ecaluation*, 7<sup>th</sup> ed, Allyn an Bacon.

15. Linn, L.R. & Gronlund, N.E. (8<sup>th</sup> editon) (2000), *Measurement and Assessment in teaching*, Prentice Hall, Inc.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3

Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2) 0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1x 0,3 + D2 x 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

### **THNLĐH 512. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 2 (1, 1)**

-----  
**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những nội dung sau:

- Một số phương pháp dạy học nhằm tích cực hoá học sinh trong dạy học môn Tiếng Việt.
- Dạy học môn Tiếng Việt theo định hướng cá thể hoá
- Xây dựng hệ thống bài tập phù hợp với đối tượng trong dạy học môn Tiếng Việt
- Sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Tiếng Việt

#### **Mục tiêu của học phần**

\* Kiến thức: Học xong học phần này học viên có thể có những hiểu biết tổng quan về dạy học theo định hướng cá thể hoá và việc dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng này. Biết cách thực hiện định hướng dạy học cá thể hoá trong dạy học các phân môn Tiếng Việt theo chương trình và sách giáo khoa mới ban hành.

\* Kỹ năng:

- Có khả năng tìm kiếm thông tin, tài liệu về dạy học theo định hướng cá thể hoá nói chung và dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng cá thể hoá nói riêng.
- Có khả năng thiết kế các kế hoạch bài học, các hoạt động học tập của học sinh, các bài tập, các đề kiểm tra để thực hiện dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng cá thể hoá.

\* Thái độ: Có ý thức vận dụng quan điểm dạy học theo định hướng cá thể hoá vào

thực tiễn dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học của địa phương.

### **Nội dung chi tiết học phần:**

## **Chương 1. Những cơ sở lí luận và thực tiễn của việc dạy học theo định hướng cá thể hoá**

1.1. Sự khác biệt giữa các cá thể về sự phát triển tâm lí của học sinh lứa tuổi tiểu học

1.1.1. Sự khác biệt về chú ý

1.1.2. Sự khác biệt về khả năng ghi nhớ

1.1.3. Sự khác biệt về hứng thú và nhu cầu học tập

1.1.4. Sự khác biệt về khả năng làm việc trí óc

1.1.5. Sự khác biệt về chỉ số thông minh

1.2. Cơ sở lí thuyết của quan điểm dạy học lấy học sinh làm trung tâm

1.2.1. Thiết kế mục tiêu dạy học

1.2.2. Thiết kế nội dung học tập, lựa chọn phương pháp và biện pháp dạy học

1.2.3. Thiết kế các phương tiện và đồ dùng dạy học

1.2.4. Thiết các công cụ đánh giá kết quả học tập

## **Chương 2. Mục đích của dạy học tiếng việt ở tiểu học theo định hướng cá thể hoá**

2.1. Tìm hiểu Luật Giáo dục, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học

2.1.1. Yêu cầu giáo dục tiểu học bắt buộc đối với mọi trẻ em trong độ tuổi 6-14

2.1.2. Trách nhiệm của nhà trường với việc phổ cập giáo dục tiểu học

2.1.3. Môn Tiếng Việt với nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học cho học sinh.

2.2. Cách thức dạy học môn Tiếng Việt để góp phần đảm bảo phổ cập giáo dục tiểu học cho học sinh

**2.2.1. Yêu cầu của chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học**

**2.2.1.1. Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học (theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018)**

**2.2.1.2. Yêu cầu cần đạt trong học tập môn Tiếng Việt**

2.2.2. Cơ sở dạy học Tiếng Việt cho học sinh tiểu học

- 2.2.2.1. Sách giáo khoa
- 2.2.2.2. Đề kiểm tra
- 2.2.2.3. Điều kiện cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên của địa phương
- 2.2.3. Tính chất của giáo dục tiểu học ở Việt Nam
  - 2.2.3.1. Tính nhân văn của giáo dục tiểu học
  - 2.2.3.2. Tính khả thi của giáo dục tiểu học
  - 2.2.3.3. Tính hoàn chỉnh tương đối của giáo dục tiểu học
- 2.2.4. Lợi ích của việc đảm bảo cho tất cả học sinh đạt yêu cầu tối thiểu môn Tiếng Việt
  - 2.2.4.1. Có cơ hội tiếp cận với giáo dục tiểu học
  - 2.2.4.2. Cơ hội bình đẳng về chất lượng học tập theo chương trình giáo dục tiểu học
  - 2.2.4.3. Cơ hội học lên cấp học tiếp theo
- 2.2.5. Cách thức dạy học môn Tiếng Việt để góp phần phát triển năng lực của học sinh

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ giáo viên (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXB GD.
2. Đỗ Đình Hoan, (2002), *Một số vấn đề cơ bản của chương trình tiểu học mới*, NXB GD.
3. Phạm Minh Hạc (2002), *Giáo dục thế giới đi vào thế kỉ XXI*, NXB Chính trị Quốc gia.
4. Lê Phương Nga, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tĩnh, Đặng Kim Nga (2003), *Phương pháp dạy học tiếng Việt 1*, NXB GD.
5. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí (2002), *Phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học 2*, NXB GD.
6. Đinh Thị Oanh, Vũ Thị Kim Dung, Phạm Thị Thanh (2006), *Tiếng Việt và phương pháp*

*pháp dạy học tiếng Việt*, NXBGD.

7. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2005), *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, NXBGD.

8. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Phương pháp dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc cấp tiểu học*, NXBGD.

9. *Tài liệu chương trình giáo dục các nước*, UNESCO, 2000.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### **THPTDH 513. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU VĂN BẢN CHO HỌC SINH TIỂU HỌC (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc.

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản:

- Các khái niệm: Đọc hiểu, đọc hiểu văn bản, các loại văn bản trong chương trình Tiếng Việt tiểu học, năng lực, phát triển năng lực, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh tiểu học.

- Nội dung và phương pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh tiểu học.

#### **Mục tiêu của học phần**

\* Kiến thức: Học viên nắm được các vấn đề khái quát về dạy đọc hiểu văn bản theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh tiểu học; nắm bắt các vấn đề khái quát liên quan đến các loại văn bản trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

\* Kỹ năng: Học viên vận dụng các vấn đề lý luận vào đổi mới dạy đọc hiểu văn bản theo hướng phát triển năng lực đọc hiểu cho học sinh tiểu học.

\* Thái độ: Học viên có ý thức đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực cho học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở bậc tiểu học.

#### **Nội dung chi tiết học phần:**

#### **Chương 1: Những vấn đề chung**

##### *1.1. Các khái niệm*

- Đọc hiểu.
- Đọc hiểu văn bản.
- Năng lực.
- Phát triển năng lực.



- Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh tiểu học.
- Các loại văn bản trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

### *1.2. Yêu cầu của phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh tiểu học.*

- Chuẩn bị một số tri thức cần thiết để đọc hiểu văn bản.
- Tiếp cận một số yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới trong môn Tiếng Việt ở tiểu học.

## **Chương 2. Nội dung và phương pháp phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh tiểu học**

### ***2.1. Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản khoa học***

- Đặc trưng của văn bản khoa học trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.
- Phương pháp bồi dưỡng, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản khoa học.

### ***2.2. Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản nhật dụng***

- Đặc trưng của văn bản nhật dụng trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.
- Phương pháp bồi dưỡng, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học.

### ***2.3. Phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học (tác phẩm văn học)***

- Đặc trưng của văn bản văn học trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.
- Phương pháp bồi dưỡng, phát triển năng lực đọc hiểu văn bản văn học.

## **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Hoàng Hòa Bình (2000), *Dạy văn cho học sinh tiểu học*, Nxb Giáo dục.
2. Hoàng Văn Cân (2005), *Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi*, Nxb Giáo dục.
3. Phan Cự Đệ (chủ biên), (2004), *Văn học Việt Nam thế kỷ XX*, Nxb Giáo dục.
4. Phương Lựu (chủ biên), (2012), *Lí luận văn học*, tập 1,2, Nxb Đại học Sư phạm.
5. Trần Thị Hiền Lương (2018), *Dạy học lớp 1 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
6. Trần Thị Hiền Lương (2018), *Dạy học lớp 2 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.

7. Trần Thị Hiền Lương (2018), *Dạy học lớp 3 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
8. Nguyễn Tuyết Nga (2018), *Dạy học lớp 4 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
9. Nguyễn Tuyết Nga (2018), *Dạy học lớp 5 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
10. Bùi Thanh Truyền (Chủ biên) - Trần Quỳnh Nga - Nguyễn Thanh Tâm (2009), *Thi pháp trong văn học thiếu nhi*, Nxb Giáo dục.

### **Phương pháp đánh giá**

Học viên lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

### **THPTLN 514. PHÁT TRIỂN LỜI NÓI CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 2 (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, trường Đại học Tây Bắc.

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức sau:

- Lí thuyết chung về ngôn ngữ giao tiếp và hội thoại
- Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trong dạy học Tiếng Việt

#### **Mục tiêu của học phần**

Học viên nắm được lí thuyết của giao tiếp ngôn ngữ, hội thoại và dạy luyện nói cho học sinh tiểu học.

Có ý thức tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức cơ bản để nâng cao năng lực sư phạm.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1. Lí thuyết chung**

##### 1.1. Lí thuyết giao tiếp ngôn ngữ

- 1.1.1. Định nghĩa giao tiếp
- 1.1.2. Các chức năng của giao tiếp
- 1.1.3. Các nhân tố giao tiếp

##### 1.2. Lí thuyết về hội thoại

- 1.2.1. Khái niệm hội thoại
- 1.2.2. Các kiểu hội thoại
- 1.2.3. Các vận động hội thoại
- 1.2.4. Các quy tắc hội thoại

#### **Chương 2. Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trong dạy học tiếng Việt 2.1.**

Nội dung dạy luyện nói trong SGK Tiếng Việt tiểu học

- 2.1.1. Nội dung dạy kỹ năng nói trong chương trình Tiếng Việt tiểu học
- 2.1.2. Nội dung dạy luyện nói trong chương trình Tiếng Việt Tiểu học
- 2.2. Phân loại hệ thống bài tập luyện nói trong SGK Tiếng Việt tiểu học
  - 2.2.1. Tiêu chí phân loại
  - 2.2.2. Hệ thống bài tập luyện nói
  - 2.2.3. Đánh giá hệ thống bài tập luyện nói
- 2.3. Xây dựng một số bài tập hội thoại cho học sinh tiểu học
  - 2.3.1. Kiểu bài tập lựa chọn lời nói cho thích hợp
  - 2.3.2. Kiểu bài tập luyện nói câu chứa tiếng có âm thanh điệu đã học
  - 2.3.3. Kiểu bài tập nói lời phù hợp với nhân tố của hoạt động giao tiếp
  - 2.3.4. Kiểu bài tập chữa lỗi nói sai
  - 2.3.5. Giới thiệu một số loại hình trò chơi dùng để dạy nội dung luyện nói trong SGK Tiếng Việt

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo – Vụ giáo viên (1996), *Phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXBGD.
2. Lê Phương Nga, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tĩnh, Đặng Kim Nga (2003), *Phương pháp dạy học tiếng Việt 1*, NXBGD.
3. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí (2002), *Phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học 2*, NXBGD.
4. Đinh Thị Oanh, Vũ Thị Kim Dung, Phạm Thị Thanh (2006), *Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXBGD.
5. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2005), *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, NXBGD.
6. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2006), *Phương pháp dạy học tiếng Việt cho học sinh dân tộc cấp tiểu học*, NXBGD.
7. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng giảng viên cốt cán cấp tỉnh, thành phố*

*môn Tiếng Việt lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5. Hà Nội 2002, 2003, 2004, 2005, 2006.*

8. Vũ Khắc Tuân - *Trò chơi học âm – vần Tiếng Việt 1*, NXBGD, 2003..

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

### **THPTST 515. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SÁNG TẠO CHO HỌC SINH TIỂU HỌC THÔNG QUA RÈN KỸ NĂNG KỂ CHUYỆN (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc.

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản:

- Các khái niệm: Kể chuyện, vị trí của phân môn Kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học, năng lực, năng lực sáng tạo, phát triển năng lực, phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học.

- Nội dung và phương pháp phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học thông qua rèn kỹ năng kể chuyện.

#### **Mục tiêu của học phần**

\* Kiến thức: Học viên nắm được các vấn đề khái quát về dạy đọc phân môn kể chuyện theo định hướng phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học; nắm bắt các vấn đề khái quát liên quan đến các dạng bài kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

\* Kỹ năng: Học viên vận dụng các vấn đề lý luận vào đổi mới rèn kỹ năng kể chuyện theo hướng phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học.

\* Thái độ: Học viên có ý thức đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực cho học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở bậc tiểu học.

#### **Nội dung chi tiết học phần:**

#### **Chương 1: Những vấn đề chung**

##### *1.1. Các khái niệm*

- Kể chuyện.
- Kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học.
- Năng lực.

- Năng lực sáng tạo.
- Phát triển năng lực.
- Phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học thông qua rèn kỹ năng kể chuyện.
- Các dạng bài kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.

### *1.2. Yêu cầu của phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học thông qua rèn kỹ năng kể chuyện.*

- Chuẩn bị một số tri thức, phương pháp để rèn kỹ năng kể chuyện cho học sinh.
- Tiếp cận một số yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới trong môn Tiếng Việt ở tiểu học.

## **Chương 2. Nội dung và phương pháp phát triển năng lực sáng tạo cho học sinh tiểu học qua rèn kỹ năng kể chuyện**

### ***2.1. Phát triển năng lực sáng tạo ngôn ngữ thông qua rèn kỹ năng kể chuyện***

- Sáng tạo trong ngôn ngữ kể qua giọng điệu, ngữ điệu kể.
- Sáng tạo trong yếu tố ngôn ngữ cơ thể qua phong thái, điệu bộ, cử chỉ.

### ***2.2. Phát triển năng lực sáng tạo nội dung câu chuyện kể thông qua rèn kỹ năng kể chuyện***

- Sáng tạo nội dung câu chuyện qua hình thức kể chuyện theo tranh.
- Sáng tạo nội dung câu chuyện mới.

### ***2.3. Phát triển năng lực sáng tạo thẩm mỹ thông qua rèn kỹ năng kể chuyện***

- Sáng tạo thẩm mỹ là gì? Yêu cầu của phát triển năng lực thẩm mỹ cho học sinh tiểu học.
- Yếu tố thẩm mỹ trong các câu chuyện kể.
- Sáng tạo thẩm mỹ thông qua rèn kỹ năng kể chuyện.

## **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Hoàng Hòa Bình (2000), *Dạy văn cho học sinh tiểu học*, Nxb Giáo dục.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb Giáo dục.
3. Hoàng Văn Cân (2005), *Dạy học tác phẩm văn học dành cho thiếu nhi*, Nxb Giáo dục.
4. Trần Thị Hiền Lương (2018), *Dạy học lớp 1 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
5. Trần Thị Hiền Lương (2018), *Dạy học lớp 2 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
6. Trần Thị Hiền Lương (2018), *Dạy học lớp 3 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
7. Nguyễn Tuyết Nga (2018), *Dạy học lớp 4 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.
8. Nguyễn Tuyết Nga (2018), *Dạy học lớp 5 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.

### **Phương pháp đánh giá**

Học viên lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời



những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

**Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

### **THDHTX 516. SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC TRONG DẠY HỌC TỰ NHIÊN - XÃ HỘI 2 (1, 1)**

-----  
**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Khoa học xã hội, Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần gồm ba chương:

Chương 1: Giới thiệu chung về tự nhiên - xã hội và phương pháp dạy học tự nhiên – xã hội ở tiểu học

Chương 2: Nội dung môn Tự nhiên và xã hội và phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội

Chương 3: Hướng dẫn dạy học nội dung các môn học theo quan điểm tích cực

Nội dung giới thiệu chung, nội dung và phương pháp dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý; Phương pháp dạy học theo hướng tích cực các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở trường tiểu học.

#### **Mục tiêu của học phần**

\* Về kiến thức:

Học viên nắm được những kiến thức cơ bản Tự nhiên và Xã hội, các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở trường tiểu học.

\* Về kỹ năng:

Soạn giáo án và dạy một số bài Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý ở trường tiểu học bằng phương pháp dạy học tích cực, so sánh với phương pháp dạy học cổ truyền.

\* Về phẩm chất:

Rèn luyện tác phong người giáo viên, bồi dưỡng lòng yêu nghề, có trách nhiệm trong rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức tự lực, tự nâng cao năng lực bản thân.

## **Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Giới thiệu chung về tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội ở tiểu học**

1.1. Mục tiêu chung của môn học

1.2. Một số kiến thức cơ bản về tự nhiên và xã hội

1.3. Phương pháp dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý

### **Chương 2. Nội dung môn tự nhiên và xã hội và phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội**

2.1. Một số kiến thức cơ bản về sự trao đổi chất và sinh sản ở thực vật, động vật và người

2.2. Nguyên nhân và cách phòng tránh một số bệnh thông thường và tai nạn thường gặp ở học sinh tiểu học

2.3. Phương pháp tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử địa phương và địa lý địa phương

2.4. Phương pháp dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 1, 2, 3, môn Khoa học, môn Lịch sử và Địa lý lớp 4, 5

### **Chương 3. Hướng dẫn dạy học nội dung các môn học theo quan điểm tích cực**

3.1. Tổng quan về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý

3.2. Sử dụng một số phương pháp và hình thức tổ chức dạy học các môn để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và đào tạo – Vụ giáo viên (1996), *Phương pháp dạy học tự nhiên và xã hội*, NXBGD.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo – Vụ giáo viên (2006). *Tự nhiên – Xã hội và Phương pháp dạy học Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học*, NXBGD.

3. Lê Mậu Hãn (chủ) và các tác giả, *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Tập 3, NXB Giáo dục.

4. Nguyễn Phi Hạnh (chủ biên), *Địa lí các châu lục*, Tập 1, 2, NXB Đại học sư phạm.

5. Nguyễn Trọng Hiếu (chủ biên), *Địa lí tự nhiên đại cương 1*, NXB Đại học sư phạm.

6. Đinh Xuân Lâm (chủ biên) và các tác giả, *Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Tập 2, NXB Giáo dục. Trương Hữu Quýnh (chủ biên) và các tác giả, *Đại cương Lịch sử Việt nam*, Tập 1, NXB Giáo dục.
7. Bùi Phương Nga - Nguyễn Thượng Giao (1995), *Phương pháp dạy học tìm hiểu tự nhiên và xã hội*, NXB Giáo dục.
8. Nguyễn Thị Thán (2008), *Tự nhiên xã hội và phương pháp dạy học các môn Tự nhiên - Xã hội ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
9. Lê Thông (chủ biên), *Địa lí kinh tế - xã hội Việt nam*, NXB ĐHSP.
10. W.D. Phillips and T.J. Chilton (2004), *Sinh học*, NXB Giáo dục.
11. Georger Charkpak (1996), *La Main A La Pâte - Les sciences a L'e'cole Primaire*, Flammarion.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**THLTDT 517. RÈN TƯ DUY CHO HỌC SINH TIỂU HỌC TRONG DẠY**  
**HỌC TOÁN 2 (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Khoa học tự nhiên – Công nghệ,  
Trường Đại học Tây Bắc

**Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những nội dung sau:

- Đại cương về tư duy toán học
- Phát triển tư duy toán học cho học sinh tiểu học

**Mục tiêu của học phần**

\* Kiến thức: Học viên nắm được những kiến thức về tư duy và tư duy toán học, phương pháp phát triển tư duy toán học cho học sinh tiểu học.

\* Kỹ năng và thái độ: phát hiện khả năng tư duy của học sinh tiểu học từ đó đó ý thức bồi dưỡng năng lực toán học cho học sinh.

**Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Một số vấn đề chung về tư duy toán học**

1.1. Đại cương về tư duy

- 1.1.1. Tư duy là gì?
- 1.1.2. Quá trình tư duy
- 1.1.3. Các thao tác tư duy
- 1.1.4. Các loại hình tư duy

1.2. Tư duy toán học

- 1.2.1. Nội dung của tư duy toán học
- 1.2.2. Các hình thức tư duy trong toán học
- 1.2.3. Các thao tác tư duy toán học
- 1.2.4. Một số loại hình tư duy toán học

### 1.3. Tính chất của tư duy

1.3.1. Tính khái quát

1.3.2. Tính gián tiếp

1.3.3. Tính trừu tượng

## **Chương 2. Phát triển tư duy toán học cho học sinh tiểu học**

2.1. Sự cần thiết của phát triển tư duy toán học cho học sinh tiểu học

2.2. Các đặc trưng cơ bản của tư duy toán học ở tiểu học

2.2.1. Tư duy giải toán

2.2.2. Tư duy phê phán

2.2.3. Tư duy thuật toán

2.2.4. Tư duy sáng tạo

2.2. Những biểu hiện của học sinh trong tư duy toán học ở tiểu học

2.3. Thiết kế tình huống dạy học toán nhằm phát triển năng lực tư duy toán học cho học sinh tiểu học

## **Chương 3. Khai thác những bài tập nhằm bồi dưỡng tư duy sáng tạo và kết hợp với các hoạt động trí tuệ khác**

3.1. Khai thác đề xuất bài toán mới từ bài toán cũ hoặc từ lời giải của bài toán cũ.

3.2. Nhìn bài toán đã cho dưới góc độ khác với bài toán ban đầu.

3.3. Lựa chọn công cụ thích hợp để giải bài toán

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Nguyễn Việt Bắc (2004), *Toán học giải trí*, NXB Giáo dục.

2. Phạm Văn Hoàn (1978), *Tìm tòi lời giải toán số học như thế nào*, NXB GD.

3. Phan Trọng Ngọ (2001), *Tâm lí học trí tuệ*, NXB Hà Nội.

4. Đức Uy (1999), *Tâm lí học sáng tạo*, NXB Giáo dục.

5. Nguyễn Cảnh Toàn (2002), *Học và dạy cách học*, NXB ĐHSP.

6. R. Courant (1985), *Toán học là gì? Tập 1, 2, 3*, NXB Khoa học và Kỹ thuật.

7. Đặng Quang Việt (2007), *Rèn luyện tư duy sáng tạo thông qua xây dựng hệ*

*thống bài tập toán.* NXB Giáo dục

8. V.A. Kơ - Ru - Tec - Xki (1973), *Tâm lí năng lực toán học của học sinh.* NXB Giáo dục.

9. V.U. Xô - Rô - Ki - Na (1987), *Giáo dục trí tuệ trong quá trình dạy học,* NXB Giáo dục.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**THPPDT 518. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC**  
**TRONG DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC 2 (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Khoa học tự nhiên – Công nghệ,  
Trường Đại học Tây Bắc

**Mô tả học phần**

Học phần bao gồm:

- Đại cương về phương pháp dạy học tích cực
- Các phương pháp dạy học tích cực trong dạy học toán tiểu học

**Mục tiêu của học phần**

\* Kiến thức: Học viên nắm được những kiến thức về phương pháp dạy học tích cực và việc vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Toán tiểu học.

\* Kỹ năng: vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào việc dạy học Toán ở tiểu học

\* Thái độ: Có ý thức tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức cơ bản để nâng cao năng lực sư phạm, vận dụng kiến thức đã học vào dạy học.

**Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1: Đại cương về phương pháp dạy học tích cực**

1.1. Vị trí, vai trò của môn Toán ở tiểu học

1.1.1. Vị trí

1.1.2. Vai trò

1.2. Các phương pháp dạy học toán ở tiểu học

1.2.1. Phương pháp trực quan.

1.2.2. Phương pháp giảng giải – minh họa.

1.2.3. Phương pháp vấn đáp – gợi mở

1.2.4. Phương pháp thực hành – luyện tập.



## **Chương 2: Phương pháp dạy học tích cực trong dạy học Toán tiểu học**

### 2.1. Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề

#### 2.1.1. Lịch sử nghiên cứu

#### 2.1.2. Cơ sở khoa học

##### 2.1.2.1. Cơ sở triết học

##### 2.1.2.2. Cơ sở tâm lí học

##### 2.1.2.3. Cơ sở giáo dục học

#### 2.1.3. Quan niệm

##### 2.1.3.1. Quan niệm cơ bản

##### 2.1.3.2. Tình huống có vấn đề

#### 2.1.4. Bản chất của phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề

#### 2.1.5. Đặc điểm của dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề

#### 2.1.6. Quy trình dạy học

##### 2.1.6.1. Bắt đầu

##### 2.1.6.2. Phân tích vấn đề

##### 2.1.6.3. Đề xuất hướng giải quyết và thực hiện

##### 2.1.6.4. Hình thành giải pháp

##### 2.1.6.5. Giải pháp đúng

##### 2.1.6.6. Kết luận

#### 2.1.7. Dạy một số bài cụ thể

### 2.2. Lí thuyết tình huống

#### 2.2.1. Lịch sử vấn đề

#### 2.2.2. Cơ sở khoa học

#### 2.2.3. Quan niệm

##### 2.2.3.1. Hệ thống dạy học tối thiểu

##### 2.2.3.2. Tình huống học tập lí tưởng và tình huống dạy học

2.2.4. Đặc điểm của lí thuyết tình huống

2.2.5. Quy trình dạy học

2.2.6. Dạy một số bài cụ thể

2.3. Phương pháp dạy học chương trình hoá

2.3.1. Lịch sử vấn đề

2.3.2. Cơ sở khoa học

2.3.3. Quan niệm

2.3.4. Bản chất của dạy học chương trình hoá

2.3.5. Đặc điểm của dạy học chương trình hoá

2.3.6. Quy trình dạy học chương trình hoá

2.3.7. Dạy một số bài cụ thể

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Đặng Quốc Bảo (2006), *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
2. Trần Diên Hiển (2004), *Thực hành giải toán tiểu học, tập 1, 2*, NXB ĐHSP.
3. Đỗ Trung Hiệu (2004), *Giáo trình phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
4. Phó Đức Hoà (2011), *Dạy học tích cực và cách tiếp cận trong dạy học tiểu học*, NXB ĐHSP.
5. Vũ Quốc Trung (2007), *Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*, NXB

#### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

**Nội dung kiểm tra**

**Trọng số**

Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1x 0,3 + D2 x 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết

## **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

### **THPTTT 519. PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 2 (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học – Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những nội dung sau:

- Tiếp cận nghiên cứu trí tuệ
- Sự hình thành và phát triển trí tuệ

#### **Mục tiêu của học phần**

\* Kiến thức: Học viên nắm được những kiến thức cơ bản về phương pháp tiếp cận nghiên cứu trí tuệ và phương pháp phát triển trí tuệ cho học sinh.

\* Kỹ năng: Vận dụng phương pháp phát triển trí tuệ vào việc giảng dạy các môn ở tiểu học

\* Thái độ: Có ý thức tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức cơ bản để nâng cao năng lực sư phạm.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Tiếp cận nghiên cứu trí tuệ**

#### 1.1. Khái niệm trí tuệ

1.1.1. Thuật ngữ trí tuệ

1.1.2. Quan điểm về trí tuệ

#### 1.2. Một số hướng tiếp cận

1.2.1. Tiếp cận liên tưởng

1.2.2. Tiếp cận hành động tinh thần

1.2.3. Tiếp cận hành vi

1.2.4. Tiếp cận sinh học

1.2.5. Tiếp cận hình thái

### 1.2.6. Tiếp cận phát sinh trí tuệ

## 1.2. Phương pháp phân tích đơn vị trong tâm lí học

## **Chương 2. Sự hình thành và phát triển trí tuệ**

### 2.1. Sự hình thành và phát triển trí tuệ

### 2.2. Các quan điểm giải thích sự phát triển của trí tuệ

### 2.3. Sự phát sinh và phát triển trí tuệ trẻ em

### 2.4. Các giai đoạn hình thành thao tác

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Trần Thị Cẩm (1990), *Sổ tay chẩn đoán tâm lí trẻ em*, tập 4, Trung tâm Nghiên cứu trẻ em N-T. Hà Nội.
2. Hồ Ngọc Đại (1993), *Tâm lí học Dạy học*, NXB Giáo dục.
3. Hồ Ngọc Đại (1991), *Giải pháp giáo dục*, NXB Giáo dục.
4. Phạm Văn Đoàn (1993), *Trẻ chậm khôn*, NXB Giáo dục.
5. M. Donaldson (1996), *Hoạt động tư duy của trẻ em*. NXB Giáo dục.
6. H. Gardner (1997), *Cơ cấu trí không*, NXB Giáo dục.
7. Phạm Hoàng Gia (1973), *Một đôi điều về Test*, Thông tin khoa học Giáo dục 11/1987.
8. A.B. Daporozet & L.A. Venghe (1968), *Sự phát triển của trẻ em*, NXB Giáo dục.
9. Nguyễn Kế Hào (1985), *Sự phát triển trí tuệ của học sinh đầu tuổi học*, NXB Giáo dục.
10. Nguyễn Thị Bích Hạnh, Trần Thị Thu Mai (2009), *Tâm lí học tiểu học và tâm lí học sư phạm tiểu học*. NXB Giáo dục Việt Nam.
11. Bùi Văn Huệ (2004), *Tâm lí học tiểu học*, NXB Giáo dục.
12. F.E. Weinert (1998), *Sự phát triển nhận thức học tập và giảng dạy*, NXB Giáo dục.

13. Phan Trọng Ngọ (2001), *Tâm lí học Trí tuệ*, NXB Hà Nội.
14. Vũ Thị Nho (2008), *Tâm lí học phát triển*, NXB ĐHQG.
15. Đức Uy (1999), *Tâm lí học sáng tạo*, NXB Giáo dục
16. Đặng Quang Việt (2007), *Rèn luyện tư duy sáng tạo thông qua xây dựng hệ thống bài tập toán*, NXB Giáo dục
17. J.B. Baron, R.J. Sternberg (1987), *teaching Thinking*, Theory and Practice. N.Y. Preeman.
18. R. Fischer (1992), *Teaching Children Think*. Simon & Schuster Education.
19. J.P. Guilford (1967), *The Nature of Human Intelligence*, N. Y. McGraw - Hill

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**THPPST 520. PHƯƠNG PHÁP SÁNG TÁC ĐỀ TOÁN Ở TIỂU HỌC 2 (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

**Mô tả dung học phần**

Học phần bao gồm các nội dung về:

- Những yêu cầu của một bài toán.
- Sáng tác bài toán mới trên cơ sở bài toán đã cho.
- Sáng tác bài toán hoàn toàn mới.
- Sáng tác bài toán bằng cách khái quát hoá.

**Mục tiêu của học phần**

\* *Về kiến thức:*

- Giúp học viên nghiên cứu rõ vị trí, tác dụng của từng bài toán trong mỗi bài học, trong mỗi phần của chương trình để vận dụng trong giảng dạy cho hợp lý. Mặt khác mỗi trường mỗi lớp, mỗi địa phương có những đặc điểm riêng, có hoàn cảnh riêng cho nên nhiều khi giáo viên lại phải soạn thêm các bài toán mới cho phù hợp với thực tế giảng dạy.

- Chuyên đề phương pháp sáng tác một đề toán dựa trên những bài toán cơ sở đã trình bày trong sách giáo khoa giúp giáo viên phát huy tốt khả năng tự học tự nghiên cứu trong quá trình giảng dạy.

\* *Về kỹ năng:*

- Có các kỹ năng phân tích, tổng hợp trong việc lựa chọn nội dung cơ bản cũng như phương pháp trong dạy học một nội dung cụ thể.

- Biết cách sáng tác những bài toán tương đối mới theo các yêu cầu do bản thân mình đặt ra.

\* *Về phẩm chất:*

- Bước đầu rèn luyện tác phong người giáo viên, bồi dưỡng lòng yêu nghề, có trách nhiệm trong rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức tự lực, tự nâng cao năng lực bản thân.

## **Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Mở đầu**

- 1.1. Ý nghĩa, tầm quan trọng
- 1.2. Những việc cần làm để tự rèn luyện kỹ năng sáng tác đề toán
- 1.3. Những yêu cầu của một bài toán

### **Chương 2. Sáng tác bài toán trên cơ sở bài toán đã có**

- 2.1. Giới thiệu phương pháp
- 2.2. Những yêu cầu của một bài toán.
- 2.3. Sáng tác bài toán mới trên cơ sở bài toán đã cho.
  - 2.3.1. Đặt các bài toán mới tương tự với bài toán đã giải.
  - 2.3.2. Sáng tác bài toán mới ngược với bài toán đã giải.
  - 2.3.3. Sáng tác bài toán mới dựa trên cách giải bằng dãy tính của một bài toán cũ.
  - 2.3.4. Bài tập áp dụng

### **Chương 3. Sáng tác bài toán mới hoàn toàn**

- 3.1. Giới thiệu phương pháp
- 3.2. Cấu tạo của một bài toán.
- 3.3. Sáng tác đề toán chứa đựng nội dung thực tế đã định trước
- 3.4. Sáng tác đề toán bằng cách ghép nối các bài toán đơn, các bài toán điển hình lại với nhau.
- 3.5. Sáng tác đề toán từ một dãy tính gộp.
- 3.6. Sáng tác bài toán bằng cách khái quát hoá.

## **Tài liệu học tập và tham khảo**



1. Trần Diên Hiền (2004), *Thực hành giải toán tiểu học tập I, II*, NXB ĐHSP.
2. Phạm Đình Thực, *Phương pháp sáng tác đề toán ở Tiểu học*, NXB Giáo dục
3. Phạm Đình Thực, *Giải bài toán ở Tiểu học như thế nào*, NXB Giáo dục.
4. Phạm Đình Thực, *100 câu hỏi và đáp về việc dạy Toán ở Tiểu học*, NXB GD.
5. Phạm Đình Thực, *Một số vấn đề suy luận trong môn Toán ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
6. Toán lớp 1, Toán lớp 2, Toán lớp 3, Toán lớp 4, Toán lớp 5, NXBGD.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**  
**THCNTT 521. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC**  
**TIỂU HỌC 2 (1, 1)**

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Khoa học tự nhiên – Công nghệ,  
Trường Đại học Tây Bắc

**Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung về:

- Phương tiện kỹ thuật dạy học
- Hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng tin học
- Ứng công nghệ thông tin trong dạy học

**Mục tiêu của học phần**

\* *Về kiến thức:*

Học viên nắm được những kiến thức cơ bản về phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng một số phần mềm chuyên dụng trong dạy học.

\* *Về kỹ năng:*

Học viên biết cách sử dụng một số phần mềm trong việc thiết kế bài giảng dạy các môn ở tiểu học.

\* *Về phẩm chất:*

Bồi dưỡng lòng yêu nghề, có trách nhiệm trong rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức đổi mới phương pháp dạy học.

**Nội dung chi tiết học phần**

**Chương 1. Phương tiện kỹ thuật dùng trong dạy học**

**1.1. Phương tiện dạy học**

- 1.1.1. Khái niệm về phương tiện dạy học
- 1.1.2. Ý nghĩa của phương tiện dạy học
- 1.1.3. Một số loại phương tiện dạy học

- 1.2. Phân loại phương tiện kỹ thuật dạy học cơ bản
  - 1.2.1. Phân loại theo nguyên lý cấu tạo cơ bản của thiết bị
  - 1.2.2. Phân loại theo loại hình nghe nhìn mà thiết bị thể hiện
  - 1.2.3. Chức năng và công dụng cơ bản của các thiết bị dạy học nghe nhìn cơ bản
- 1.3. Các nguyên tắc sử dụng phương tiện kỹ thuật dạy học cơ bản
  - 1.3.1. Đảm bảo tính an toàn
  - 1.3.2. Đảm bảo tính vừa sức
  - 1.3.3. Đảm bảo tính hiệu quả
- 1.4. Chuẩn bị tiết học có sử dụng phương tiện kỹ thuật dạy học cơ bản
  - 1.4.1. Các bước chuẩn bị tiết học có sử dụng phương tiện kỹ thuật dạy học
  - 1.4.2. Chuẩn bị phương tiện nghe nhìn
  - 1.4.3. Máy chiếu đa phương tiện (projector) và cách sử dụng
    - 1.4.3.1. Công dụng, phân loại và cấu tạo
    - 1.4.3.2. Lắp đặt máy chiếu projector
    - 1.4.3.3. Thiết kế cấu tạo và cách trình chiếu
    - 1.4.3.4. Sử dụng máy chiếu projector
    - 1.4.3.5. Bảo quản máy chiếu projector

## **Chương 2. Hệ thống hoá kiến thức, kỹ năng tin học**

- 2.1. Hệ điều hành Windows
  - 2.1.1. Khái quát chung về cấu tạo máy tính và các thiết bị ngoại vi.
  - 2.1.2. Giới thiệu hệ điều hành Windows
  - 2.1.3. Thực hành
- 2.2. Một số phần mềm chuyên dụng trong dạy học
  - 2.2.1. Giới thiệu phần mềm Microsoft powerpoint
  - 2.2.2. Giới thiệu phần mềm Violet
  - 2.2.3. Giới thiệu phần mềm Flash

## **Chương 3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học**

- 3.1. Thiết kế bài giảng với phần mềm Microsoft powerpoint
  - 3.1.1. Những thao tác cơ bản trong powerpoint

- 3.1.2. Làm việc với slide
- 3.1.3. Trang trí nghệ thuật
- 3.1.4. Thiết kế bài giảng
- 3.1.5. Trình diễn bằng powerpoint
- 3.1.6. Thực hành
- 3.2. Thiết kế bài giảng với flash
  - 3.2.1. Những thao tác cơ bản trong flash
  - 3.2.2. Làm việc với symbol
  - 3.3.3. Làm việc với layer
  - 3.3.4. Làm việc với scene
  - 3.3.5. Thiết kế mô hình chuyển động
  - 3.3.6. Thiết kế bài giảng với flash
  - 3.3.7. Trình diễn bằng flash
  - 3.3.8. Bài tập thực hành

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Lê Công Chiêm (chủ biên) (2007), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*, NXB Giáo dục.
2. Trịnh Thanh Hải (chủ biên) (2005), *Sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy học môn Toán*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
3. Phạm Quang Hiển - Phạm Quang Huy (2003), *Các công cụ hỗ trợ thiết kế web Flash MX*, NXB Thống kê.
4. Nguyễn Văn Huân (2007), *Học nhanh microsoft powerpoint*, NXB Lao động và xã hội
5. Phạm Quang Huy (1998), *Bài tập thực hành Flash & Dreamweaver*, NXB Thống kê.
6. Vũ Gia Khánh (2002), *Thiết kế trang trình diễn Powerpoint*, NXB GD.
7. Đào Thái Lai (2003), *Phương tiện kỹ thuật dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học*, NXB Giáo dục.

8. Nguyễn Trường Sinh (2004), *Các ứng dụng kỹ thuật ứng dụng trong Flash & Dreamweaver*, NXB Lao động - Xã hội
9. Trịnh Đình Thắng (chủ biên) (2003), *Phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học*, NXB Giáo dục.
10. VN - Guide (2004), *Internet chat Email cho mọi người*, NXB Thống kê.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\mathbf{ĐMH = D1 \times 0,3 + D2 \times 0,7}$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### THPPHV 522. PHƯƠNG PHÁP GIẢI NGHĨA TỪ HÁN VIỆT 2 (1, 1)

---

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học – Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả nội dung học phần**

Học phần bao gồm các nội dung về:

- Một số vấn đề về từ Hán Việt
- Các phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt
- Một số cần đề cơ bản trong sách giáo khoa tiếng Việt tiểu học

#### **Mục tiêu của học phần**

*\* Về kiến thức:*

Vận dụng được những hiểu biết về phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt để giải nghĩa các từ Hán Việt có trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học, các từ Hán Việt thông thường được dùng trong giao tiếp. Phân tích, lý giải được một số từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học.

*\* Về kỹ năng:*

Học viên biết cách hướng dẫn học sinh tiểu học sử dụng từ Hán Việt hiệu quả, vận dụng được những kiến thức về từ Hán Việt : khái niệm, các kiểu từ Hán Việt, nhận diện, giải nghĩa từ Hán Việt để giúp học sinh tiểu học hiểu và giải nghĩa được các từ Hán Việt có trong các bài học Tiếng Việt tiểu học, sử dụng từ Hán Việt để tạo ra các lời nói, lời viết phù hợp trong hoạt động giao tiếp.

*\* Về thái độ:*

Tôn trọng, yêu thích từ Hán Việt, có tinh thần, thái độ đúng mực trong việc tích lũy, phát triển khả năng sử dụng từ Hán Việt, khuyến khích, tạo điều kiện cho học sinh tiểu học sử dụng từ Hán Việt vào trong hoạt động giao tiếp có hiệu quả.

## **Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt**

#### 1.1. Một số vấn đề về từ Hán Việt

1.1.1. Khái niệm từ Hán Việt

1.1.2. Các kiểu từ Hán Việt

1.1.3. Điều kiện để sử dụng từ Hán Việt có hiệu quả

#### 1.2. Các phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt

1.2.1. Giải nghĩa từ Hán Việt bằng cách thuyết minh các yếu tố cấu tạo và quan hệ giữa chúng.

1.2.1.1. Khái niệm từ Hán Việt

1.2.1.2. Các kiểu từ Hán Việt

1.2.1.3. Nghĩa các yếu tố Hán Việt

1.2.1.4. Nghĩa của các từ ghép Hán Việt và nghĩa của các thành ngữ, tục ngữ Hán Việt

1.2.2. Giải nghĩa từ Hán Việt bằng văn cảnh, ngữ cảnh

1.2.3. Phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt bằng cách đối chiếu với từ thuần Việt

### **Chương 2. một số vấn đề cơ bản về từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học**

2.1. Khả năng sử dụng từ Hán Việt của học sinh tiểu học

2.2. Từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt 2

2.3. Từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt 3

2.4. Từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4

2.5. Từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt 5

#### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Lê Văn A, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt*, NXB Giáo dục

2. Nguyễn Văn Bảo (1999), *Mở rộng vốn từ Hán Việt*, NXB ĐHQG.

3. Nguyễn Tài Căn (2007), *Nguồn gốc và quá trình hình thành cách đọc Hán Việt*, NXB ĐHSP.
4. Mai Văn Chừ, Vũ Đức Nghiệu, Hoàng Trọng Phiến, *Cơ sở ngôn ngữ học và tiếng Việt*, NXB Giáo dục.
5. Nguyễn Quang Ninh (chủ biên), Đào Ngọc, Đặng Đức Siêu, Lê Xuân Thái, *Rèn kỹ năng sử dụng Tiếng Việt và mở rộng vốn từ Hán Việt*, NXB GD.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án Phát triển giáo viên tiểu học, *Tiếng Việt và Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục.
7. Đặng Đức Siêu (2003), *Dạy và học từ Hán Việt ở trường phổ thông*, NXBGD.
8. Đặng Đức Siêu (2007), *Ngữ văn Hán nôm*, NXB ĐHSP.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.



# **ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

## **THLLDH 523. LÝ LUẬN DẠY HỌC ĐẠI HỌC 2 (1,1)**

---

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Bộ môn Tâm lí - Giáo dục, trường Đại học Tây Bắc

### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm các nội dung sau:

- Lí luận dạy học đại học là một chuyên ngành của khoa học giáo dục.
- Quá trình dạy học đại học
- Quy luật và hệ thống các nguyên tắc dạy học đại học
- Nội dung dạy học đại học
- Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học
- Công nghệ dạy học

### **Mục tiêu của học phần**

Học phần nhằm trang bị cho học viên những kiến thức về đặc điểm, thiết kế quá trình dạy học đại học, tính quy luật của quá trình dạy học; Nội dung của dạy học đại học; Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học đại học.

### **Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1. Lí luận dạy học đại học là một chuyên ngành của khoa học giáo dục đại học**

##### **1.1. Sự ra đời và phát triển của lí luận dạy học đại học**

- 1.1.1. Đặc điểm xã hội chi phối lí luận dạy học đại học
- 1.1.2. Những yêu cầu cơ bản của nền giáo dục đại học hiện đại
- 1.1.3. Những năng lực cơ bản đặt ra khi đào tạo giáo dục đại học

##### **1.2. Đối tượng, nhiệm vụ và các phạm trù cơ bản của lí luận dạy học đại học**

- 1.2.1. Đối tượng
- 1.2.2. Nhiệm vụ

### 1.2.3. Các phạm trù cơ bản

## 1.3. Mối quan hệ giữa lí luận dạy học đại học với các khoa học khác

## 1.4. Các phương pháp nghiên cứu lí luận dạy học đại học

### 1.4.1. Phương pháp luận

### 1.4.2. Phương pháp nghiên cứu cụ thể

#### 1.4.2.1. Các phương pháp nghiên cứu lí luận

#### 1.4.2.2. Các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

## **Chương 2. Quá trình dạy học đại học**

### 2.1. Khái niệm quá trình dạy học ở đại học

#### 2.1.1. Các nhân tố cấu trúc của quá trình dạy học đại học

##### 2.1.1.1. Mục đích và nhiệm vụ dạy học

##### 2.1.1.2. Nội dung dạy học ở đại học

##### 2.1.1.3. Các phương pháp và phương tiện dạy học ở đại học

##### 2.1.1.4. Thầy giáo với hoạt động dạy, học viên với hoạt động học

##### 2.1.1.5. Kết quả dạy học

#### 2.1.2. Các môi trường ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình dạy học ở đại học

### 2.2. Các nhiệm vụ dạy học ở đại học

#### 2.2.1. Nhiệm vụ 1 - Dạy nghề

##### 2.2.1.1 Hệ thống tri thức toàn diện

##### 2.2.1.2. Tri thức hiện đại

##### 2.2.1.3. Tri thức khoa học cơ bản, tri thức cơ sở và tri thức khoa học chuyên ngành

#### 2.2.2. Nhiệm vụ 2 - Dạy phương pháp (Phát triển năng lực hoạt động trí tuệ của học viên)

##### 2.2.2.1. Sự phát triển trí tuệ nói chung được đặc trưng bởi những thao tác trí tuệ thành thạo, vững chắc của con người.

##### 2.2.2.2. Trong quá trình dạy học ở đại học, các phẩm chất và năng lực

hoạt động trí tuệ của học viên được phát triển không ngừng.

2.2.2.3. Điều kiện cần thiết để dạy học thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển trí tuệ của học viên là hoạt động dạy học ở đại học không ngừng đi trước, đón trước sự phát triển trí tuệ và dạy học phải vừa sức với học viên

2.2.3. Nhiệm vụ 3 – Hình thành đạo đức và đạo đức thái độ nghề

2.3. Bản chất của quá trình dạy học đại học

2.3.1. Cơ sở xác định bản chất quá trình dạy học đại học

2.3.2. Quá trình nhận thức của học viên nói chung và quá trình học tập nói riêng ở các trường đại học là quá trình nhận thức có tính chất nghiên cứu.

2.3.3. Quá trình nhận thức của học viên về cơ bản có những điểm giống quá trình nhận thức của loài người, của khoa học và của học sinh phổ thông.

2.4. Một số vấn đề triết học của quá trình dạy học ở đại học

### **Chương 3. Quy luật và hệ thống các nguyên tắc dạy học đại học**

3.1. Các quy luật của quá trình dạy học đại học

3.1.1. Quy luật dạy học

3.2.2. Một số quy luật của quá trình dạy học đại học

3.3.3. Quy luật cơ bản của quá trình dạy học đại học

3.2. Các nguyên tắc dạy học đại học

3.2.1. Khái niệm chung về các nguyên tắc dạy học đại học

3.2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học đại học

### **Chương 4. Nội dung dạy học đại học**

4.1. Khái niệm chung về nội dung dạy học đại học

4.1.1. Nội dung dạy học tồn tại và phát triển với tư cách là một nhân tố hữu cơ của quá trình dạy học đại học

4.1.2. Hệ thống những tri thức, kỹ năng, kỹ xảo này được lựa chọn từ nguồn kinh nghiệm chung

4.1.3. Sự chuyển hoá trong các yếu tố của nền văn hoá có liên quan tới nghề nghiệp nhất định, tạo thành nội dung dạy học tương ứng cho các trường đại học. Sự chuyển hoá này được hoàn thành với sự gia công về mặt sư phạm, đảm bảo cho nội dung dạy học.

## 4.2. Thành phần nội dung dạy học đại học

4.2.1. Hệ thống những tri thức khoa học (về tự nhiên, xã hội), những tri thức về kĩ thuật, về cách thức hoạt động trí óc và hoạt động chân tay có liên quan đến ngành, nghề nhất định.

4.2.1.1. Tri thức cơ bản

4.2.1.2. Tri thức cơ sở của chuyên ngành

4.2.1.3. Tri thức chuyên ngành

4.2.1.4. Tri thức công cụ

4.2.2. Hệ thống những kĩ năng, kĩ xảo về nghề nghiệp tương lai cũng như về nghiên cứu khoa học và tự học

4.2.3. Hệ thống những kinh nghiệm hoạt động sáng tạo

4.2.4. Những chuẩn mực về thái độ đối với tự nhiên, đối với xã hội, đối với người khác, đối với bản thân (hệ thống tri thức về thái độ đối với ngành nghề tương lai)

## 4.3. Phương hướng đổi mới, hoàn thiện nội dung dạy học đại học

4.3.1. Nội dung dạy học ở đại học phải phù hợp với mục tiêu giáo dục và đào tạo nói chung, các nhiệm vụ dạy học ở đại học nói riêng

4.3.2. Phải hiện đại hoá nội dung dạy học ở đại học

4.3.3. Tăng cường tính tư tưởng và tính nhân văn trong nội dung dạy học ở đại học

4.3.4. Nội dung dạy học đại học phải phản ánh được thực tiễn đời sống xã hội của đất nước nói chung và thực tiễn giáo dục – đào tạo nói riêng..

## 4.4. Kế hoạch dạy học, chương trình dạy học và sách giáo khoa

4.4.1. Kế hoạch dạy học

4.4.2. Chương trình dạy học

4.4.3. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

## **Chương 5. Phương pháp dạy học đại học**

5.1. Khái niệm về phương pháp dạy học đại học

5.2. Đặc điểm của phương pháp dạy học đại học

5.2.1. Phương pháp dạy học đại học gắn liền với nghề nghiệp đào tạo ở trường đại học

5.2.2. Phương pháp dạy học đại học gắn liền với thực tiễn xã hội, thực tiễn cuộc sống và phát triển của khoa học – công nghệ

5.3.3. Phương pháp dạy học đại học ngày càng được tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học

5.3.4. Phương pháp dạy học đại học có tác dụng phát huy cao độ tính tích cực, độc lập, sáng tạo của học viên.

5.3.5. Phương pháp dạy học đại học rất đa dạng

5.3.6. Phương pháp dạy học đại học gắn liền với các thiết bị và các phương tiện dạy học hiện đại

5.3. Hệ thống các phương pháp dạy học đại học

5.3.1. Các luận điểm xuất phát

5.3.2. Khái quát về hệ thống các phương pháp dạy học đại học

5.3.3. Các kiểu phương pháp dạy học đại học

5.3.3.1. Thông báo – tái hiện

5.3.3.2. Giải thích – tìm kiếm bộ phận

5.3.3.3. Nêu vấn đề - nghiên cứu

5.4. Phương hướng và biện pháp cải tiến phương pháp dạy học đại học

5.4.1. Các xu hướng cải tiến trong phương pháp dạy học

5.4.2. Một số phương hướng và biện pháp nâng cao hiệu quả dạy học đại học

## **Chương 6. Công nghệ dạy học và hình thức tổ chức dạy học đại học**

### 6.1. Vài nét về công nghệ dạy học

6.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của công nghệ dạy học

6.1.2. Các thành tố của quá trình dạy học đại học theo quan điểm công nghệ dạy học hiện nay

### 6.2. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học đại học

6.2.1. Khái niệm

6.2.2. Các hình thức tổ chức dạy học đại học

6.2.2.1. Diễn giảng

6.2.2.2. Xêmina

6.2.2.3. Thực hành

6.2.2.4. Giúp đỡ riêng

6.2.2.5. Tự học

6.2.2.6. Nghiên cứu khoa học

### **Tài liệu tham khảo**

1. Đặng vũ hoạt, 2005, *Lí luận dạy học đại học*, Nhà xuất bản Giáo dục
2. Phạm Viết Vượng, 2008, *Lí luận dạy học đại học*, NXB ĐHSP

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

**Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### THGDMT 524. GIÁO DỤC MÔI TRƯỜNG 2 (1, 1)

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học – Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản:

- Các định nghĩa về môi trường và khoa học môi trường
- Các thành phần cơ bản của môi trường.
- Các nguyên lí sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường
- Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên và ô nhiễm môi trường
- Những vấn đề nền tảng của môi trường và phát triển bền vững: dân số, lương thực - thực phẩm, năng lượng.
- Luật môi trường; giáo dục môi trường và phát triển bền vững.

#### **Mục tiêu của học phần**

- Học viên nắm được những nội dung cơ bản về khoa học môi trường, nắm được hiện trạng về môi trường và dân số ở nước ta cũng như trên thế giới.
- Học viên có những hiểu biết về phương pháp luận về khoa học môi trường cũng như những yêu cầu cấp thiết phải giải quyết để bảo vệ môi trường và phát triển dân số một cách hợp lí.
- Thấy được vai trò của giáo dục môi trường đối với việc giải quyết các vấn đề về môi trường, nắm vững phương pháp giáo dục môi trường thông qua các môn học và hoạt động khác ở trường Tiểu học.

#### **Nội dung chi tiết học phần**

### **Chương 1. Giới thiệu về khoa học môi trường**

#### 1.1. Định nghĩa

#### 1.2. Giới thiệu về khoa học môi trường



- 1.2.1. Đối tượng
- 1.2.2. Nhiệm vụ
- 1.2.3. Vị trí của khoa học môi trường

## **Chương 2: Các thành phần cơ bản của môi trường**

- 2.1. Thạch quyển
- 2.2. Thủy quyển
- 2.3. Khí quyển
- 2.4. Sinh quyển

## **Chương 3: Các nguyên lý sinh thái học ứng dụng trong khoa học môi trường**

- 3.1. Cấu trúc của sự sống
- 3.2. Cơ chế hoạt động của hệ sinh thái
- 3.3. Chu trình sinh địa hoá
- 3.4. Dòng tuần hoàn năng lượng
- 3.5. Sự cân bằng của hệ sinh thái và đa dạng sinh học

## **Chương 4. Sự tác động của con người đối với môi trường**

- 4.1. Lịch sử tác động của con người đến môi trường
- 4.2. Sự tăng trưởng dân số
- 4.3. Sự ô nhiễm môi trường
  - 4.3.1. Ô nhiễm môi trường đất
  - 4.3.2. Ô nhiễm môi trường nước
  - 4.3.3. Ô nhiễm môi trường không khí
- 4.4. Sự phá huỷ môi trường tự nhiên

## **Chương 5. Một số vấn đề nền tảng về môi trường và phát triển bền vững**

- 5.1. Dân số
  - 5.1.1. Dân số thế giới
  - 5.2.2. Lịch sử phát triển dân số thế giới và Việt Nam

- 5.3.3. Sự phân bố dân cư
- 5.4.4. Sự chuyển cư
- 5.5.5. Hậu quả của gia tăng dân số
- 5.2. Vấn đề lương thực và thực phẩm
  - 5.2.1. Nhu cầu dinh dưỡng của con người
  - 5.2.2. Tình hình sản xuất lương thực và thực phẩm trên thế giới và Việt Nam
- 5.3. Vấn đề năng lượng
- 5.4. Phát triển bền vững

## **Chương 6. Giáo dục môi trường trong trường tiểu học**

- 6.1. Bảo vệ môi trường ở Việt Nam
- 6.2. Những vấn đề chung về giáo dục môi trường
  - 6.2.1. Quan điểm chỉ đạo về giáo dục môi trường
  - 6.2.2. Ý nghĩa của việc giáo dục môi trường
  - 6.2.3. Giáo dục môi trường ở Việt Nam
  - 6.2.4. Các mục tiêu cần đạt trong giáo dục môi trường
- 6.3. Giáo dục môi trường trong trường Tiểu học
  - 6.3.1. Mục đích của giáo dục môi trường
  - 6.3.2. Nhiệm vụ của giáo dục môi trường
  - 6.3.3. Các nguyên tắc giáo dục môi trường
  - 6.3.4. Nội dung giáo dục môi trường
- 6.4. Thiết kế mô đun Giáo dục môi trường

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Lưu Đức Hải (2000), *Cơ sở khoa học môi trường*. NXB ĐHQG HN.
2. Trần Kiên - Hoàng Đức Nhuận - Mai Sỹ Tuấn (1990), *Sinh thái học và môi trường*, NXB Giáo dục.
3. Hoàng Đức Nhuận (2000), *Bảo vệ môi trường*, NXB Giáo dục.

4. Hoàng Đức Nhuận - Nguyễn Văn Khang (1999), *Một số phương pháp tiếp cận giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục.
5. Lê Thông, Nguyễn Hữu Dũng (2000), *Dân số - Môi trường- Tài nguyên*. NXB GD.
6. *Luật Bảo vệ môi trường* (công bố ngày 10/1/1994), NXB Chính trị Quốc gia.
7. Lê Văn Trường, Nguyễn Kim Tiến (đồng chủ biên) (2005), *Giáo dục môi trường*, NXB Giáo dục
8. Lê Thanh Vân (2003), *Con người và môi trường*. NXB ĐHSP.
9. Mai Đình Yên (1997), *Môi trường và con người*. NXB Giáo dục.
10. Caring for the Earth (October, 1991), *A Strategy for sustainable living*, IUCN, UNEP and WWF, Gland, Switzerland.
11. David J Briggs, Franl M Courtney (1994), *Agriculture and Environment The physical geography of temperature agricultural systems*, Produced by Longman Singapore Publisher.
12. Donal L. Sparks (1995), *Environmental Soil Chemistry*, Academic Press.
13. Ellis S. and Mellor A. (1995), *Soil and Environment*, Routledge, London.
14. Graham and Trotman (1993), *The Earth Summit*, The United nations Conference on Environment and Development (UNCED).
15. IR.F. Huysman (1996), *Cousre of Environment management*, Free University Brussels, Belgium.
16. Odum E.P. (1983), *Basic Ecology*, Samders college publishing, USA.
17. Peter H. Raven - Linda R. Berg - George B. Johnson (1993), *Environment*, Samders college publishing, USA

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

**Nội dung kiểm tra**

**Trọng số**

Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Đề học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết

## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### THGDMT 525. ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 2 (1, 1)

-----  
**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những nội dung sau:

- Quán triệt những định hướng đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học hiện nay.

- Vận dụng những phương pháp, hình thức dạy học tích cực vào dạy học các phân môn Tiếng Việt ở trường tiểu học theo chương trình và sách giáo khoa mới ban hành.

#### **Mục tiêu của học phần**

##### **\* Kiến thức**

- Học viên nắm được những kiến thức cơ bản về những định hướng đổi mới PPDH Tiếng Việt ở tiểu học hiện nay.

- Phân tích được cơ sở lí luận và thực tiễn của việc đổi mới phương pháp dạy học.

- Đánh giá được trọng tâm và điểm khó của vấn đề đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học.

##### **\* Kỹ năng**

- Vận dụng được cơ sở lí luận vào thiết kế bài học theo định hướng đổi mới PPDH Tiếng Việt ở tiểu học hiện nay.

- Lựa chọn được phương pháp dạy học tích cực, tài liệu học tập cũng như phương tiện dạy học phù hợp với nội dung đổi mới.

- Có kỹ năng lập kế hoạch bài học và đánh giá giờ dạy của đồng nghiệp theo định hướng đổi mới.

##### **\* Thái độ**

- Tự tin trong việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy học môn Tiếng Việt theo hướng phát huy tính tích cực của học sinh.

- Có ý thức tự học, tự nghiên cứu cập nhật kiến thức mới để nâng cao năng lực sư phạm; Quyết tâm đổi mới cách thực hiện phương pháp dạy học.

### **Nội dung chi tiết học phần**

#### **Chương 1. Cơ sở thực tiễn và lí luận của đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học**

1.1. Cơ sở lí luận của đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt gắn với thực tiễn.

1.1.1. Đổi mới phương pháp dạy học được hiểu như thế nào?

1.1.2. Sự cần thiết phải đổi mới?

1.2 . Cơ sở thực tiễn của đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt ở trường tiểu học hiện nay.

1.2.1. Sự phát triển sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

1.2.2. Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học.

1.2.3. Một số đặc điểm tâm lí của học sinh tiểu học trong học tập môn Tiếng Việt

#### **Chương 2. Những định hướng chính trong đổi mới cách thực hiện phương pháp, hình thức dạy học tiếng Việt trường ở tiểu học**

2.1. Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy năng lực của học sinh (năng lực đọc - hiểu, năng lực giao tiếp, năng lực cảm xúc thẩm mĩ trong học tập tiếng Việt).

2.2. Đổi mới Phương pháp dạy học tiếng Việt theo hướng phát triển khả năng tự học của học sinh.

2.3. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt theo hướng kết hợp hoạt động cá nhân với hoạt động nhóm và phát huy khả năng của cá nhân

2.4. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt theo hướng tăng cường kĩ năng thực hành.

2.5. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt theo hướng sử dụng phương tiện kĩ thuật hiện đại vào dạy học.

2.6. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt theo hướng đổi mới cách thiết kế bài dạy, lập kế hoạch bài học và xây dựng mục tiêu bài học.

2.7. Đổi mới về hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tiếng Việt ở tiểu học.

2.8. Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Việt theo các mô hình và hình thức tổ chức dạy học tiếng Việt ở tiểu học hiện hành.

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2005), *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, Nxb Giáo dục.
2. Lê Phương Nga, Nguyễn Trí (2002), *Phương pháp dạy học tiếng Việt tiểu học 2*, NXBGD, HN.
3. Đinh Thị Oanh, Vũ Thị Kim Dung, Phạm Thị Thanh (2006), *Tiếng Việt và phương pháp dạy học tiếng Việt*, NXBGD, HN.
4. Dự án phát triển giáo viên tiểu học (2005), *Đổi mới phương pháp dạy học ở tiểu học*, NXBGD, HN.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án mô hình Trường học mới Việt Nam (2012), *Tài liệu hướng dẫn giáo viên môn Tiếng Việt lớp 3*, NXBGD, HN.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo - Dự án mô hình Trường học mới Việt Nam (2012), *Tổ chức lớp học theo mô hình trường học kiểu mới*, Hà Nội.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tài liệu tập huấn), *Dạy học theo mô hình Trường học mới Việt Nam năm 2012*, Hà Nội.
8. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Tài liệu bồi dưỡng giảng viên cốt cán cấp tỉnh, thành phố môn Tiếng Việt lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5*. Hà Nội 2002, 2003, 2004, 2005, 2006.

### **Phương pháp đánh giá**

Lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết

**PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH**

**HIỆU TRƯỞNG**

**TS. Điều Thị Tú Uyên**

**TS. Đinh Thanh Tâm**



## ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

### THPTNL 527. DẠY HỌC THEO ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC CHO HỌC SINH TIỂU HỌC 2 (1, 1)

-----

**Bộ môn phụ trách giảng dạy:** Khoa Tiểu học - Mầm non, Trường Đại học Tây Bắc.

#### **Mô tả học phần**

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản:

- Các khái niệm: năng lực, phát triển năng lực, dạy học theo định hướng phát triển năng lực, dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh tiểu học.
- Nội dung dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh tiểu học.
- Một số phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh tiểu học.

#### **Mục tiêu của học phần**

\* Kiến thức: Học viên nắm được các vấn đề khái quát về dạy học theo định hướng phát triển năng lực cho học sinh tiểu học.

\* Kỹ năng: Học viên vận dụng các vấn đề lý luận vào đổi mới dạy học cho học sinh tiểu học, đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông mới (bậc tiểu học).

\* Thái độ: Học viên có ý thức đổi mới phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực cho học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục ở bậc tiểu học.

#### **Nội dung chi tiết học phần:**

#### **Chương 1. Một số vấn đề chung về năng lực**

##### **1.1. Năng lực**

- Khái niệm
- Đặc điểm
- Phân loại

##### **1.2. Những năng lực cần đạt của học sinh phổ thông**

(chương trình giáo dục phổ thông 2018)

## **Chương 2. Một số vấn đề chung về dạy học theo định hướng phát triển năng lực**

*2.1. Mục tiêu dạy học*

*2.2. Nội dung dạy học*

*2.3. Phương pháp dạy học*

*2.4. Hình thức tổ chức dạy học*

*2.5. Đánh giá*

*2.6. So sánh dạy học theo định hướng tiếp cận nội dung (chương trình hiện hành) và dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh (chương trình 2018)*

## **Chương 3. Một số kĩ thuật dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh**

*3.1. Kĩ thuật đặt câu hỏi hiệu quả*

*3.2. Kĩ thuật dạy học sử dụng Sơ đồ tư duy*

*3.3. Kĩ thuật dạy học Vòng tròn xoay*

*3.4. Kĩ thuật dạy học quả bóng tuyết*

*3.5. Kĩ thuật dạy học Cầu vồng*

## **Chương 4. Thực hành thiết kế kế hoạch bài học theo định hướng phát triển năng lực học sinh**

### **Tài liệu học tập và tham khảo**

1. Trần Thị Hiền Lương (...), *Dạy học lớp 1 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.

2. Trần Thị Hiền Lương (...), *Dạy học lớp 2 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.

3. Trần Thị Hiền Lương (...), *Dạy học lớp 3 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.

4. Nguyễn Tuyết Nga (...), *Dạy học lớp 4 theo hướng phát triển năng lực của học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.

5. Nguyễn Tuyết Nga (...), *Dạy học lớp 5 theo hướng phát triển năng lực của*

*học sinh*, Nxb Đại học Quốc gia.

6. Richard David Precht, Vũ Kim Nga (dịch) (2017), *Vì sao con tôi không thích đến trường? Tìm kiếm một nền giáo dục ưu việt*, Nxb Tri thức.

7. Lê Đình Trung – Phan Thanh Hội (2016), *Dạy học theo định hướng hình thành và phát triển năng lực người học ở phổ thông*, Nxb...?

### **Phương pháp đánh giá**

Học viên lên lớp theo quy định, hoàn thành các bài kiểm tra điều kiện. Kết quả học tập môn học được đánh giá dựa trên các điểm kiểm tra điều kiện, tiểu luận và điểm thi kết thúc môn học.

<b>Nội dung kiểm tra</b>	<b>Trọng số</b>
Kiểm tra điều kiện, tiểu luận,... (D1)	0,3
Bài tiểu luận hoặc bài tập lớn, ... (D2)	0,7

$$\text{ĐMH} = \text{D1} \times 0,3 + \text{D2} \times 0,7$$

### **Kế hoạch tư vấn học tập**

Để học tốt môn học, học viên cần tìm hiểu đặc điểm môn học, cách học tương ứng. Tìm hiểu các tài liệu liên quan cần nghiên cứu, trao đổi, liên hệ với thực tiễn công tác của bản thân.

Giảng viên giảng dạy môn học có trách nhiệm sắp xếp thời gian để trả lời những thắc mắc, kiến nghị trước, trong và sau khi nghiên cứu chuyên đề này.

### **Trang thiết bị cần cho quá trình dạy học môn học**

Máy tính, máy chiếu, tài liệu tham khảo cần thiết.